

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP



BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM (VNECO)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2005, thay đổi lần thứ hai ngày 06 tháng 08 năm 2009)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ... 601/UBCK-SGON ... 3 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 7 năm 2001)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam (VNECO)

Số 234 Nguyễn Văn Linh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3562.361

Fax: (84-511) 3562.367

2. Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - SSI

Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3824 2897

Fax: (08) 3824 2997

3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6311

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Trần Văn Huy

Số điện thoại: 0511.562685

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Fax: 0511.562367

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM (VNECO)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2005, thay đổi lần thứ hai ngày 06 tháng 08 năm 2009)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam (VNECO)

Số 234 Nguyễn Văn Linh, Phường Thạch Gián, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3562.361

Fax: (84-511) 3562.367

2. Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - SSI

Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3824 2897

Fax: (08) 3824 2997

3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6311

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Trần Văn Huy

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 0511.562685

Fax: 0511.562367



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM (VNECO)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2005, thay đổi lần thứ hai ngày 06 tháng 08 năm 2009)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán	: 31.721.080 (Ba mươi một triệu bảy trăm hai mươi một nghìn không trăm tám mươi) cổ phiếu

Trong đó:

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20% cho năm 2009: **6.344.216** cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu: **25.376.864** cổ phiếu

Tổng giá trị chào bán: **317.210.800.000 đồng** (Ba trăm mười bảy tỷ, hai trăm mười triệu, tám trăm nghìn đồng)



TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3824 2897

Fax: (84-8) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

❖ Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6311

Email: ssi_hn@ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

❖ Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TPHCM – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai – Quận 3 - TPHCM

Điện thoại: (84.8) 3930 5163

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: info@aisc.com.vn

❖ Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: Phòng C2, tầng 24, lô E9, tòa nhà Building, Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3782 0045

Fax: (84.4) 3782 0048

Email: aishn@hn.vnn.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	7
3. Rủi ro đặc thù ngành	8
4. Rủi ro pha loãng cổ phiếu khi phát hành thêm.....	9
5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu	9
6. Rủi ro của đợt phát hành và kế hoạch sử dụng vốn từ đợt phát hành	10
7. Rủi ro khác	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
1. Tổ chức phát hành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam.....	11
2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI).....	11
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	13
1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành.....	13
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
3. Cơ cấu tổ chức Tổng Công ty	18
4. Cơ cấu bộ máy quản lý Tổng Công ty	25
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông.....	30
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	31
7. Hoạt động kinh doanh	32
8. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm báo cáo	51
9. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	52



10. Chính sách đối với người lao động.....	54
11. Chính sách cổ tức.....	56
12. Tình hình hoạt động tài chính.....	57
13. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	63
13.1 Thành viên Hội đồng Quản trị.....	63
13.2 Thành viên Ban Kiểm soát.....	71
14. Tài sản.....	77
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	82
16. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	89
17. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổng Công ty.....	90
18. Thông tin về những tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Tổng Công ty có thể gây ảnh hưởng đến giá cổ phiếu phát hành.....	90
V. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH.....	91
1. Loại chứng khoán phát hành: Cổ phiếu phổ thông.....	91
2. Mệnh giá.....	91
3. Tổng giá trị phát hành.....	91
4. Giá chào bán dự kiến.....	91
5. Phương pháp tính giá.....	91
6. Phương thức phân phối.....	91
7. Thời gian phân phối.....	92
8. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không bán hết.....	92
9. Đăng ký mua cổ phiếu và thực hiện quyền mua.....	92
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	93
11. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu.....	93
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	94
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN VỐN HUY ĐỘNG TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH.....	96
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH.....	106
IX. PHỤ LỤC.....	106

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế khách quan với những yếu tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất... sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề. Là một Tổng Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, Tổng Công ty xây lắp điện Việt nam, cũng chịu sự tác động đáng kể trước những biến động chung của nền kinh tế.

1.1 Rủi ro từ tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt nam đã được những thành tựu vượt bậc, tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2002-2009 xấp xỉ 8%/năm. Đặc biệt, nền kinh tế Việt nam thực sự khởi sắc khi đạt được mức tăng trưởng cao nhất trong vòng hơn 1 thập kỷ với 8,48%/năm. Tuy nhiên trong năm 2008, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động trực tiếp và tiêu cực đến sự phát triển kinh tế của hầu hết tất cả các doanh nghiệp ở hầu hết các ngành nghề. Sản xuất kinh doanh ở hầu hết các công ty sản xuất và kinh doanh dịch vụ đều giảm sút khi sức cầu của toàn bộ nền kinh tế suy giảm mạnh, thiếu vốn trong sản xuất và chi phí sản xuất đầu vào tăng cao. GDP năm 2008 giảm 2,25% so với 2007 và thấp hơn 0,77% so với kế hoạch. Hậu quả cuộc khủng hoảng năm 2008 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế, làm giảm mạnh sức cầu đối với nhiều ngành nghề. Do tính chất đặc thù của ngành xây dựng nói chung, ngành xây lắp điện nói riêng, tốc độ phát triển của nền kinh tế, quá trình đô thị hóa và chiến lược phát triển của Chính phủ có ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng. Khi nền kinh tế tăng trưởng chậm hoặc rơi vào suy thoái, nhu cầu xây dựng cơ bản, xây dựng cơ sở hạ tầng giảm, sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành xây lắp điện, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Sang năm 2009, tổng GDP cả nước chỉ đạt 5.32%, thấp hơn so với năm 2008, nhưng đã vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn chưa thực sự thoát khỏi khủng hoảng, nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm, thì đây được xem như là một tín hiệu lạc quan từ nền kinh tế. Trong năm 2010, cùng trong xu hướng phục hồi của toàn bộ nền kinh tế, ngành xây lắp điện cũng kì vọng sẽ đạt được những thành công nhất định.

1.2 Rủi ro từ biến động lãi suất

Trong giai đoạn vừa qua, lãi suất đã có nhiều biến động với nhiều thay đổi của chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. những thay đổi này trong chừng mực nào đó đều có những ảnh hưởng trực

tiếp tới hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp, đặc biệt về khía cạnh tài chính với nguồn vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh được vay ngân hàng. Gần đây nhất, ngày 26/2/2010, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 07/2010/TT-NHNN, chính thức quy định về cho vay bằng đồng Việt nam theo lãi suất thỏa thuận của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng đối với các khoản vay trung và dài hạn. Điều này vừa có thể là một cơ hội mở cho doanh nghiệp, nhưng cũng là mối lo lắng khi trần lãi suất đã bị dỡ bỏ và lãi suất có thể biến động tăng cao với dao động mạnh và dẫn đến việc doanh nghiệp gặp khó khăn trong quản lý chi phí đầu vào.

1.3 Rủi ro từ biến động lạm phát

Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, thường đi kèm với nguy cơ lạm phát, mà theo đó, chi phí đầu vào của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng mạnh mẽ. Việt nam đang đối mặt với tình trạng lạm phát tương đối cao trong những năm trở lại đây, 8,3% năm 2005, 7,5% năm 2006, năm 2007 tỷ lệ lạm phát tăng vọt lên hai con số: 12,63%, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã lên tới 22,97%. Sang năm 2009, tỷ lệ lạm phát đã được kiểm soát khá tốt khi chỉ còn 6,88%. Chỉ số CPI trong 4 tháng đầu năm 2010 theo Tổng Cục Thống kê tăng khoảng 8,69% so với cùng kì năm trước. Sự biến động tăng của lạm phát sẽ có ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

1.4 Rủi ro từ biến động tỷ giá

Với những đặc thù của ngành xây dựng nói chung và ngành xây lắp điện nói riêng, Tổng Công ty không thực hiện nhiều các giao dịch thương mại quốc tế, vì thế những biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng lớn mang tính chi phối đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy nhiên, với những hợp đồng nhập khẩu một số nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, những biến động tỷ giá của Việt nam đồng cũng sẽ có những ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một Tổng Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, và là một doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Tổng Công ty chịu sự chi phối của hệ thống luật Việt nam, cụ thể

- Chính sách ưu đãi đầu tư;
- Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện;
- Luật Xây dựng và các Thông tư, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng.
- Luật Lao động, luật Dân sự, luật đất đai và các hướng dẫn thi hành luật .

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (kể từ tháng 11/2007) hiện đang tiến hành từng bước những cải tổ về hành lang pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế. Quá trình chỉnh sửa, hướng dẫn các văn bản Luật kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn trong hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc thực thi pháp luật chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1 Rủi ro thanh toán

Trong hoạt động xây dựng, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần trong khi việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty cần nhiều vốn lưu động để duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó nếu không có kế hoạch tài chính phù hợp thì Tổng Công ty sẽ đối mặt với tình trạng mất khả năng thanh toán.

3.2 Rủi ro về nguồn nhân lực

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là xây lắp đường dây và trạm, công việc có tính chất lưu động cao, khó khăn, vất vả, nguy hiểm. Vì thế lực lượng lao động có kỹ thuật xây lắp đường dây và trạm là một nhân tố quan trọng nhất của Tổng Công ty. Tuy nhiên lực lượng lao động có kinh nghiệm và đã qua đào tạo của Tổng Công ty luôn có nguy cơ bị thất thoát do phía các doanh nghiệp trong ngành và một số ngành nghề khác. Do đó bên cạnh những chế độ, chính sách đãi ngộ lao động hợp lý, Tổng Công ty cần có định hướng phát triển, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo sự ổn định và phát triển trong tương lai.

3.3 Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu

Sắt thép, kẽm và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất cột thép và xây lắp các công trình điện. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại sắt thép, giá cả của một số mặt hàng chủ yếu cũng như giá cả xăng, dầu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, sự bất ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công của các công trình xây dựng điện của Tổng Công ty.

3.4 Rủi ro về thị trường

Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại Quốc tế WTO sẽ tạo ra cơ hội và thách thức đòi hỏi thị trường xây lắp điện phải gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ



Quốc tế. Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh rất cao đối với những doanh nghiệp xây lắp điện hiện đang hoạt động. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh mẽ và phong cách quản lý hiện đại sẽ là những đối thủ cạnh tranh thực sự đối với các doanh nghiệp trong nước. Để hạn chế rủi ro này, Tổng Công ty thường xuyên nâng cao sức cạnh tranh của mình bằng việc đầu tư thiết bị và công nghệ tiên tiến, nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động thi công xây lắp, giữ uy tín với khách hàng bằng chất lượng các công trình do mình triển khai thi công

4. Rủi ro pha loãng cổ phiếu khi phát hành thêm

Các đợt phát hành thường dẫn tới việc pha loãng giá giao dịch của cổ phiếu trên thị trường. Hơn nữa việc gia tăng khối lượng vốn và cổ phiếu, trong khi doanh thu và thu nhập của Tổng Công ty không thể ngay lập tức tăng theo tốc độ tương ứng cũng sẽ gây ảnh hưởng nhất định tới hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty trong ngắn hạn, do đó cũng làm ảnh hưởng nhất định tới giá giao dịch của cổ phiếu trên thị trường.

Giá giao dịch của cổ phiếu sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Cơ chế điều chỉnh giá khi phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được thực hiện như sau:

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu Công ty sẽ được Sở giao dịch chứng khoán điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + I_1 * PR}{(1 + I_1)}$$

Trong đó:

PR(t-1) là giá giao dịch của Công ty ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền

PR là giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng

Ví dụ: với giá định giá tại thời điểm trước ngày chốt danh sách bằng giá thị trường ngày 24/05/2010 là 17.700 đồng/cổ phiếu, mức giá pha loãng của cổ phiếu ước tính sau đợt phát hành là 12.800 đồng (làm tròn).

Ngoài ra, EPS của Công ty cũng bị giảm sau đợt chào bán do tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và doanh thu không tăng kịp với tốc độ tăng trưởng của vốn đầu tư của chủ sở hữu

5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Hiện nay



Tổng Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán đồng nghĩa với việc giá cổ phiếu của Tổng Công ty sẽ chịu sự tác động của nhiều yếu tố như: kết quả hoạt động kinh doanh, tâm lý nhà đầu tư, tình hình kinh tế, điều kiện thị trường sự hiểu biết của nhà đầu tư đối với công ty và thị trường chứng khoán ...

6. Rủi ro của đợt phát hành và kế hoạch sử dụng vốn từ đợt phát hành

Công ty dự kiến phát hành tăng vốn điều lệ nhằm mục đích huy động vốn cho Dự án khu đô thị mới Phú Mỹ Thượng, góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và xây dựng điện Hồi Xuân Vneco (triển khai dự án Thủy điện Hồi Xuân tỉnh Thanh Hóa) và góp vốn Công ty CP đầu tư và xây dựng điện MECA Vneco (VES). Trên thực tế, việc xây dựng một nhà máy thủy điện chịu nhiều tác động từ những yếu tố khách quan như thời tiết và sự biến động giá cả của các nguyên vật liệu xây dựng nhà máy. Dự án Khu đô thị mới Phú Mỹ Thượng đã được Tổng Công ty khởi công giai đoạn 1, nhưng những biến động của thị trường bất động sản và nguyên vật liệu xây dựng nhà cửa sẽ có ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả đầu tư của dự án. Hoạt động góp vốn vào Công ty MECA VNECO sẽ phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động của Công ty MECA. Tuy nhiên, theo các phương án sử dụng vốn và phân bổ quỹ vốn cho hoạt động đầu tư của Tổng Công ty và việc đánh giá hiệu quả của từng dự án, kế hoạch sử dụng vốn của Tổng Công ty được tin tưởng sẽ mang lại hiệu quả cao. Đồng thời, xét theo tiềm lực của Tổng Công ty, Tổng Công ty tin tưởng vào sự thành công của đợt chào bán

7. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất, ...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam

Ông Đoàn Đức Hồng	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Phan Anh Quang	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Đào Hữu Chuộng	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Bà Trần Thị Thúy	Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
------------------	------------------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam cung cấp.

**III. CÁC KHÁI NIỆM**

UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Tổ chức phát hành	:	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam
Tổng Công ty/Công ty mẹ	:	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam
VNECO/VNE	:	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam
SSI	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
Tổ chức tư vấn	:	Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
Điều lệ Công ty	:	Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

Tên gọi Tổng Công ty: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Tên giao dịch đối ngoại: **VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT-STOCK CORPORATION**

Tên viết tắt: **VNECO**

Địa chỉ: 234 Nguyễn Văn Linh, P. Thạch Gián, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (84-0511) 3562. 361 Fax: (84-0511) 3562. 367

E-mail: webmaster@vneco.com.vn

Web site: <http://www.vneco.com.vn>

Logo:

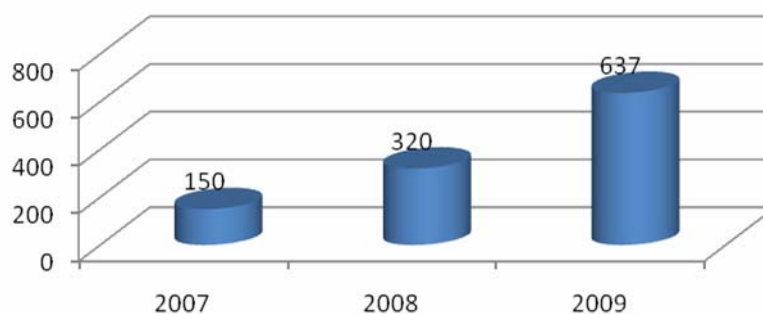


Vốn điều lệ: **320.000.000.000 đồng** (Ba trăm hai mươi tỷ đồng).

Quá trình tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty

Biểu đồ 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty giai đoạn 2007-2010

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam



Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 26/02/2010 như sau:

Bảng 1: Cơ cấu vốn điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (26/02/2010)

Cổ đông	Giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
Cổ đông nhà nước	94.500.000.000	29,53%
Cổ đông khác	222.710.800.000	69,60%
- Nhà đầu tư trong nước	210.220.000.000	65,69%
- Nhà đầu tư nước ngoài	12.490.800.000	3,91%
Cổ phiếu quỹ	2.789.200.000	0,87%
Tổng cộng	320.000.000.000	100,00%

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam

Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty bao gồm:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng.
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm.
- Sản xuất các chủng loại vật tư thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; Kinh doanh các mặt hàng trang trí nội, ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất; Kinh doanh xăng dầu.
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị, các công trình điện.
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; Khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; Tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công, dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác.
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.



- Đầu tư nhà máy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái.
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện.
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.
- Kinh doanh vận tải hàng vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải.
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng.
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh.
- Kinh doanh bánh kẹo, bia rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm.
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình.
- Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

02/1988 Công ty xây lắp điện 3 được thành lập theo quyết định số 174 NL/TCCB ngày 22/02/1988 của Bộ trưởng Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công nghiệp) trên cơ sở hợp nhất hai Công ty là Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 3 và Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 5.

1994-1997 Công ty xây lắp điện 3 là Công ty hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam)

Hoàn thành 531 km đường dây 500kV Bắc – Nam

Hoàn thành 40 km đường dây 500kV Yaly – Pleiku

1998 Tổng công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam được thành lập theo Quyết định 90 TTg của Thủ tướng Chính phủ và Công ty xây lắp điện 3 là một Công ty



thành viên thuộc Tổng Công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam. Vốn điều lệ của Tổng Công ty thời kỳ đó là: 8,377 tỷ đồng.

2002-2005

Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 862/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 9 năm 2002 và quyết định số 46/2002/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Công ty xây lắp điện 3 được tổ chức lại thành Công ty mẹ Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ- Công ty con.

Thời kỳ này vốn điều lệ của công ty tăng lên 74,780 tỷ đồng. Công ty đẩy mạnh hoạt động về Xây lắp điện, xây dựng các công trình công nghiệp dân dụng, sản xuất công nghiệp (cột điện thép, vật liệu xây dựng...), đầu tư phát triển du lịch dịch vụ và đầu tư các dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép mạ kẽm nhúng nóng ... Bên cạnh đó, Công ty tập trung sắp xếp các đơn vị trực thuộc thành các công ty con là Công ty cổ phần và Công ty TNHH một thành viên đồng thời chuyển các Công ty TNHH một thành viên thành các Công ty cổ phần.

Năm 2001, dự án Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu thép và cột thép do Tổng Công ty làm chủ đầu tư tại Đà Nẵng với công suất 10.000 tấn năm đi vào hoạt động

Năm 2004 chủ đầu tư dự án Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu thép và cột thép tại Thành phố Hồ Chí Minh công suất 15.000 tấn năm và cải tạo các nhà máy thép tại Qui Nhơn, Vinh đi vào hoạt động nâng công suất gia công toàn Tổng công ty lên 35.000 tấn năm; chủ đầu tư dự án Khách sạn Xanh Nha Trang đạt chuẩn 3 sao; chủ đầu tư dự án Khách sạn Xanh Nghệ An đạt chuẩn 3 sao.

Hoàn thành 488,582km của 6 đường dây 500kV Phú Mỹ - Nhà Bè - Phú Lâm; Pleiku - Phú Lâm, Pleiku - Dốc Sỏi - Đà Nẵng, Đà Nẵng - Hà Tĩnh, Hà Tĩnh- Thường Tín, Nhà Bè – Ô Môn

10/2005

Ngày 11/10/2005 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã có quyết định số 3309/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) thành Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hiện đang đẩy mạnh hoạt động đầu tư các nhà máy thủy điện (thủy điện Khe Diên, EaKrông Năng, Đăcpring, Chaval...), các dự án kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà, kinh doanh bất động sản và đầu tư phát triển du lịch dịch vụ. Đồng thời Tổng Công ty mở rộng phát triển lĩnh vực xây lắp các công trình



hệ thống lưới điện, xây dựng các công trình công nghiệp dân dụng, sản xuất công nghiệp (cột điện thép, vật liệu xây dựng...).

2007 Tổng Công ty thực hiện tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng vào tháng 02/2007 và thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh vào tháng 8/2007 với tổng số lượng cổ phiếu niêm yết là 32 triệu cổ phiếu. Khách sạn Xanh Huế với tiêu chuẩn 4 sao đi vào hoạt động

2008-2009 Thực hiện triển khai các dự án đầu tư và kinh doanh du lịch, dịch vụ với vai trò là chủ đầu tư và đã hoàn thành công trình khách sạn cao cấp đạt tiêu chuẩn 4 sao tại Đà Nẵng.

Một số danh hiệu Tổng Công ty đã đạt được:

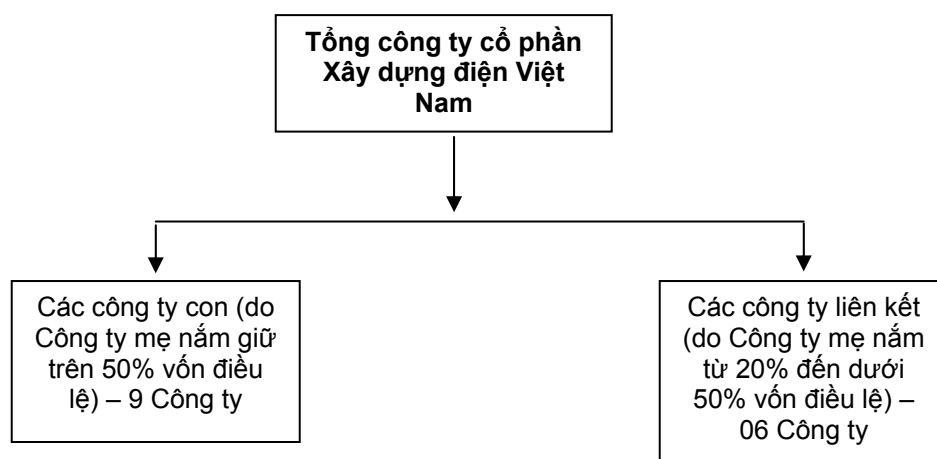
- 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì.
- 01 Huân chương Độc lập hạng ba.
- 03 Huân chương Lao động hạng Nhất.
- 16 Huân chương Lao động hạng Nhì.
- 42 Huân chương Lao động hạng Ba.
- 06 Cờ thi đua xuất sắc của Chính Phủ tặng năm 1992, 1993, 1992-1994, 2000, 2004, 2006.
- Tổng liên đoàn lao động Việt nam tặng 05 cờ đơn vị xuất sắc trong năm 1992-1994, 1993-1998, 1995-2000, 2004, 2006;
- Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ chí Minh tặng 03 Cờ thi đua xuất sắc năm 1992-1994, 1993-1998 và 2005;
- Tổng Công ty đã được tặng hàng trăm bằng khen của UBND các tỉnh Miền trung và Tây Nguyên, Nam Bộ và các Ban ngành Trung ương;
- Thành ủy Đà Nẵng công nhận Đảng bộ Tổng Công ty đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh tiêu biểu năm 1999, 2000, 2003, 2004; công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2001, 2002, 2005, 2006.
- Bộ Trưởng Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế khen tặng về thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2004; 2005; 2006.



3. Cơ cấu tổ chức Tổng Công ty

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Trong đó Công ty mẹ là: Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam và có: 10 Công ty con và 6 công ty liên kết.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức Tổng công ty



3.1 Công ty mẹ

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)

Địa chỉ: 234 Nguyễn Văn Linh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng.

Vốn điều lệ: 320.000.000.000 đồng;

3.2 Các công ty con (9 công ty)

▪ **Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3**

Địa chỉ: Khối 3, Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0383 855006

Fax: 0383 855263

Vốn điều lệ thực góp đến 30/4/2010 là: 13.197.100.000 đồng, trong đó VNECO nắm 52,93% vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/4/2010 là 6.985.720.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, công trình công nghiệp và dân dụng; Sản xuất cột điện bê tông ly tâm, ống cống bê tông cốt thép, sản phẩm bê tông tươi, các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí, mạ kẽm;...

**▪ Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 4**

Địa chỉ: 197 Nguyễn Trường Tộ, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0383 538019 Fax: 0383 853433

Vốn điều lệ thực góp đến 30/4/2010 là: 9.046.630.000 đồng, trong đó VNECO nắm 47,91 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/4/2010 là 4.334.380.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi; Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí; Kinh doanh vật liệu xây dựng...

▪ Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8

Địa chỉ: số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 050 859807 Fax: 050 858921

Vốn điều lệ thực góp đến 30/4/2010 là: 11.307.960.000 đồng, trong đó VNECO nắm 46,4 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/4/2010 là 5.246.980.000 đồng)

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện thế đến 500 KV, các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao; Sản xuất các cấu kiện bê tông và cột điện bê tông ly tâm các loại, các sản phẩm bê tông đúc sẵn;...

▪ Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 12

Địa chỉ: Tiểu khu 7, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình

Điện thoại: 052 839142 Fax: 052 838875

Vốn điều lệ thực góp đến 30/4/2010 là: 12.000.000.000 đồng, trong đó VNECO nắm 65,73 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/4/2010 là 7.887.200.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, công trình công nghiệp và dân dụng; Sản xuất cột điện bê tông ly tâm, ống cống bê tông cốt thép, sản phẩm bê tông tươi, các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí; Sản xuất và kinh doanh điện...

▪ Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng VNECO

Địa chỉ: 249 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 531048 /531 055 Fax: 0511 531.052



Vốn điều lệ thực góp đến 30/4/2010 là: 8.384.748.000 đồng, trong đó VNECO nắm 60,85 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/4/2010 là 5.102.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng bao gồm: lập và thẩm định các dự án đầu tư, khảo sát đo đạc, thiết kế qui hoạch, thiết kế công trình, tư vấn quản lý dự án, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ; Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500 KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng..

▪ **Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO**

Địa chỉ: 470C Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39975 154

Fax: 08 39975 153

Vốn điều lệ thực góp đến 30/4/2010 là: 90.075.000.000 đồng, trong đó VNECO nắm 70,05 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/4/2010 là 63.100.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại; Xây lắp các công trình Đường dây và Trạm biến áp đến 500 kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp, dân dụng; Kinh doanh nhà ở ...

▪ **Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nghệ An VNECO**

Địa chỉ: số 02 Mai Hắc đế, thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 038 3844788

Fax: 038 3848873

Vốn điều lệ thực góp đến 30/4/2010 là: 21.868.021.413 đồng, trong đó VNECO nắm 63,50 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/4/2010 là 13.885.939.500 đồng)

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch; vận tải hàng hoá đường bộ;...

▪ **Công ty cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO**

Địa chỉ: Số 2 Lê Lợi, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 054 824668

Fax: 054 824527

Vốn điều lệ thực góp đến 30/4/2010 là: 59.900.000.000 đồng, trong đó VNECO nắm 79,11 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/4/2010 là 47.385.000.000 đồng)

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao,



vui chơi giải trí; Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch; vận tải hàng hoá đường bộ;...

- **Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Hải Xuân VNECO**

Địa chỉ: Lô 4-BT4- Khu đô thị Đông Bắc Ga, Phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa

Điện thoại: 037.3713676

Fax: 037.3717598

Vốn điều lệ thực góp đến 30/4/2010 là: 11.445.000.000 đồng, trong đó VNECO nắm 91,74 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/4/2010 là 10.500.000.000 đồng)

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Tư vấn các dự án thủy điện, các công trình hệ thống mạng lưới và trạm biến áp đến 500KV, các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, viễn thông; Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư; Sản xuất kinh doanh điện năng, dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện, tư vấn quản lý dự án thủy điện, thí nghiệm điện; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, cho thuê văn phòng, kho bãi;...

3.3 Công ty liên kết (06 công ty)

- **Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 2**

Địa chỉ: 13 Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 038 3840941

Fax: 038 3840944

Vốn điều lệ thực góp đến 30/4/2010 là: 18.611.410.000 trong đó VNECO nắm 31,45 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/4/2010 là 5.854.100.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm: xây lắp các công trình hệ thống lưới điện trạm biến áp điện đến 500KV, sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, gạch Block, gạch Terrazzo, gạch Daramic, tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị ...

- **Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 5**

Địa chỉ: 205 Lê Duẩn, Đông Hà, Quảng Trị

Điện thoại: 053 855161

Fax: 053 854136

Vốn điều lệ thực góp đến 30/04/2010 là 13.500.000.000 đồng, trong đó VNECO nắm 30,00 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/04/2010 là 4.050.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu trong các lĩnh vực sau đây; xây lắp các công trình, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao



thông, thủy lợi, viễn thông, sản xuất thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông đúc sẵn, kinh doanh vận tải hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng...

▪ **Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 6**

Địa chỉ: K60, Nguyễn Chánh, Liên Chiểu, Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 841170

Fax: 0511 842236

Vốn điều lệ thực góp đến 30/04/2010 là 24.225.000.000 đồng, trong đó VNECO nắm 37,74 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/04/2010 là 9.142.170.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm; xây lắp các công trình, hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500 KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi, viễn thông, kinh doanh nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, sản xuất cột điện bê tông ly tâm và các phẩm bê tông đúc sẵn, kinh doanh vật liệu xây dựng...

▪ **Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 7**

Địa chỉ: 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.3735517

Fax: 0511.3735516

Vốn điều lệ thực góp đến 30/04/2010 là 30.677.700.000 đồng, trong đó VNECO nắm 31,16 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/04/2010 là 9.560.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm; xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện thế đến 500KV, sản xuất các cấu kiện bê tông và cột bê tông ly tâm các loại, khai thác và kinh doanh đá xây dựng, đá Granit, cát, sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng, kinh doanh vận tải hàng hóa, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn; Kinh doanh khai thác, tận thu khoáng sản;...

▪ **Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 10**

Địa chỉ: Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: 056 841115

Fax: 056 841330

Vốn điều lệ thực góp đến 30/04/2010 là 9.984.500.000 đồng, trong đó VNECO nắm 30,05 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/04/2010 là 3.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm; xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp, dân dụng, giao



thông, thủy lợi; sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới và dịch vụ nhà đất...

- **Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 11**

Địa chỉ: 348 Hoàng Diệu, quận Hải Châu, Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.550946

Fax: 0511.826459

Vốn điều lệ thực góp đến 30/04/2010 là 35.000.000.000 đồng, trong đó VNECO nắm 47,66 % vốn điều lệ. Vốn đã góp của VNECO đến 30/04/2010 là 16.682.050.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao; Sản xuất các chủng loại vật liệu xây dựng (kể cả khai thác đá); kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất; kinh doanh xăng dầu; kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch đường thủy, đường bộ; kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí...

3.4 Công ty đầu tư tài chính khác (06 công ty)

- **Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 1**

Địa chỉ: 489 Nguyễn Lương Bằng, Liên Chiểu, Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 772006

Fax: 0511 772006

Vốn điều lệ thực góp đến 30/04/2010 là 30.000.000.000 đồng, trong đó vốn đã đầu tư của VNECO đến 30/04/2010 là 3.204.900.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp các công trình hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện 500KV, xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, kinh doanh phát triển nhà ở, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, kinh doanh vận tải hàng hóa...v.v

- **Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 9**

Địa chỉ: số 6 Hùng Vương, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: 058 525404

Fax: 058 522394

Vốn điều lệ thực góp đến 30/04/2010 là 33.489.370.000 đồng, trong đó vốn đã đầu tư của VNECO đến 30/04/2010 là 4.334.350.000 đồng.



Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500kV, các công trình nguồn điện; xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch đường thủy, đường bộ; kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới; kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí...

▪ **Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO-SSM**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 732775

Fax: 0511 732489

Vốn điều lệ thực góp đến 30/04/2010 là 29.439.240.000 đồng, trong đó vốn đã đầu tư của VNECO đến 30/04/2010 là 1.455.670.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Thiết kế, chế tạo kết cấu thép; Sản xuất cấu kiện thép, cột thép, khung nhà tiền chế và các sản phẩm cơ khí khác; Mạ kẽm các sản phẩm cơ khí và dịch vụ mạ kẽm...

▪ **Công ty Đầu tư phát triển điện sông Ba**

Địa chỉ: Số 230 Nguyễn Tri Phương, TP Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 617676

Fax: 0511 617767

Vốn điều lệ thực góp đến 30/04/2010 là 500.000.000.000 đồng, trong đó vốn đã đầu tư của VNECO đến 30/04/2010 là 6.517.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là sản xuất và kinh doanh điện, đầu tư các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng;...

▪ **Công ty cổ phần thủy điện Sông Chò**

Địa chỉ: Số 12A Yersin, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang

Điện thoại: 058.

Fax: 058.

Vốn điều lệ là 40.000.000.000 đồng, trong đó vốn đã đầu tư của VNECO đến 30/04/2010 là 3.695.521.472 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là đầu tư các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng;...

▪ **Công ty cổ phần chế tạo kết cấu thép Thành Long -VINECO**

Địa chỉ: Lô B1 KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.

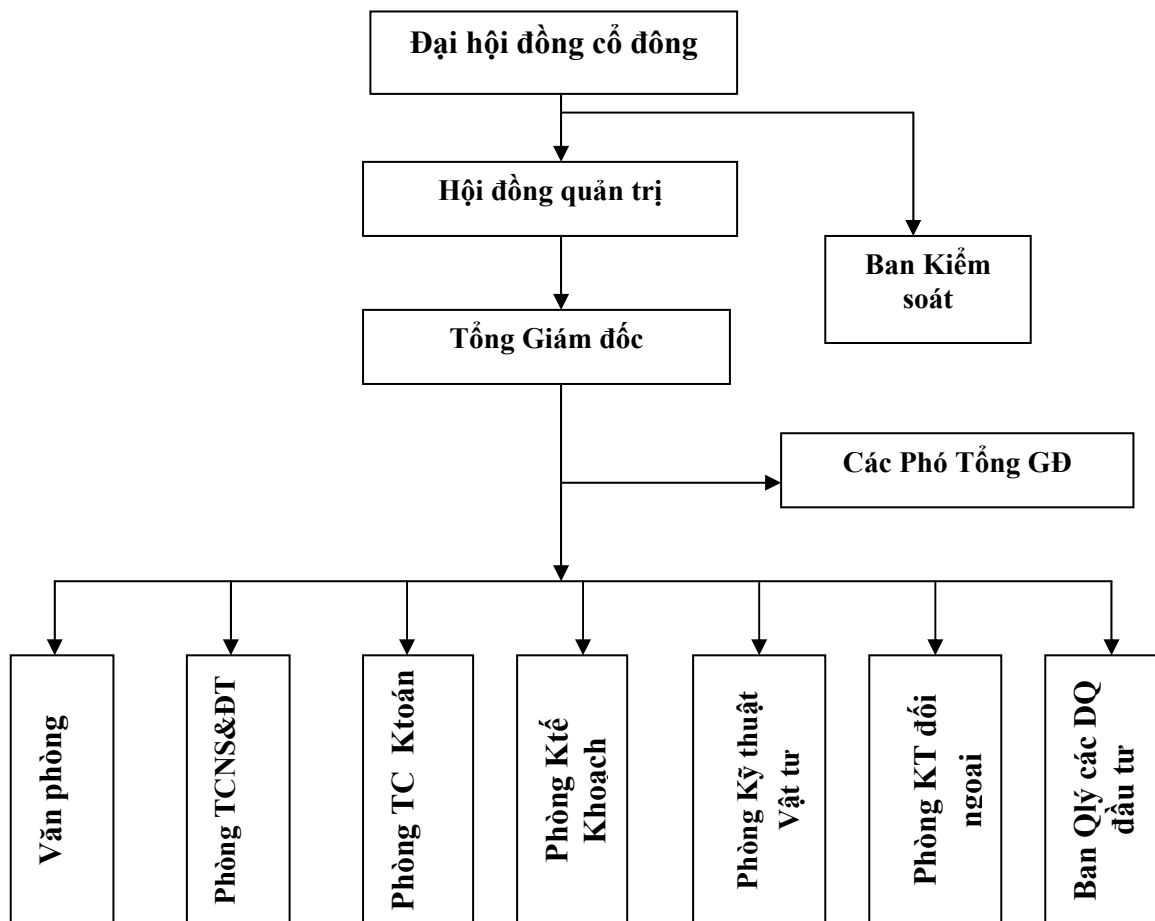
Fax: 08.

Vốn điều lệ là 90.000.000.000 đồng, trong đó vốn đã đầu tư của VNECO đến 30/04/2010 là 27.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là sản xuất cấu kiện kim loại, sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại; Gia công cơ khí và xử lý tráng phủ kim loại; Bán buôn sắt thép;...

4. Cơ cấu bộ máy quản lý Tổng Công ty

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý Tổng Công ty



Cơ cấu bộ máy quản lý Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam như sau :

Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết.

**Hội đồng Quản trị**

Hiện nay, Công ty có 7 thành viên HĐQT, cơ cấu như sau:

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Anh Quang	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Tất Trung	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Thái Văn Chấn	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Tổng Công ty hiện nay bao gồm :

Ông Đào Hữu Chuộng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Thái Thị Thùy Trang	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lê Thanh Nhã	Thành viên Ban Kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc hiện tại như sau:

Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc

Văn phòng của Tổng Công ty

Văn Phòng Tổng Công ty là đầu mối giải quyết các công việc về lĩnh vực hành chính, quản trị của Tổng Công ty và có nhiệm vụ chủ yếu: Xây dựng và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Tổng Giám đốc; Tổ chức quản lý và hướng dẫn thực hiện công tác văn thư, lưu trữ của cơ quan Tổng Công ty theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động thông tin, liên lạc;



tổng hợp thi đua, khen thưởng; quản lý hệ thống mạng máy tính Tổng Công ty và lập chương trình khai thác ứng dụng máy tính phục vụ hoạt động SXKD; quản lý sử dụng con dấu; Tổ chức và phục vụ các hội nghị, cuộc họp, làm việc, tiếp khách của Lãnh đạo Tổng Công ty; Quản lý tài sản của cơ quan Tổng Công ty, bao gồm cơ sở vật chất, nhà cửa, trang thiết bị văn phòng của cơ quan Tổng Công ty và các lĩnh vực công tác khác có liên quan.

Phòng Tổ chức Nhân sự và Đào tạo

Phòng Tổ chức nhân sự và đào tạo là đầu mối giải quyết các công việc về lĩnh vực công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động, công tác thanh tra, tự vệ và có nhiệm vụ chủ yếu: Chủ trì xây dựng phương án cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty, quy định chức năng, nhiệm vụ, biên chế của các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc; phương án thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất; công tác nhân sự, quản lý lao động, công tác tiền lương, chế độ chính sách về lao động và các chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên; chủ trì xây dựng một số Quy chế quản trị điều hành của Tổng công ty; thực hiện công tác thanh tra, quân sự, tự vệ của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và các lĩnh vực công tác khác có liên quan.

Phòng Tài chính Kế toán.

Phòng Tài chính Kế toán là đầu mối giải quyết các lĩnh vực công tác tài chính, kế toán, tổ chức hệ thống kế toán và có nhiệm vụ chủ yếu: Quản lý, theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chế độ về tài chính, kế toán và quản lý tài sản; lập kế hoạch tài chính hàng năm, kế hoạch vốn phục vụ hoạt động SXKD và cơ cấu nguồn vốn cho các dự án đầu tư, vốn cho hoạt động thi công xây dựng các công trình; đề xuất phương án huy động vốn; tổng hợp chi phí sản xuất, phân tích hoạt động tài chính, xác định kết quả sản xuất kinh doanh, phương án trích lập các quỹ; đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, chấn chỉnh công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty và các công tác khác có liên quan.

Phòng Kinh tế Kế hoạch:

Phòng Kinh tế Kế hoạch là đầu mối giải quyết các lĩnh vực kế hoạch, kinh doanh, dự toán, đấu thầu các công trình, công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm và có nhiệm vụ chủ yếu: Xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, ngắn hạn của Tổng Công ty, phương án phối hợp hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con, phương án giao khoán cho đơn vị; Tổng hợp báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, lập hồ sơ dự thầu các gói thầu thi công xây lắp điện, xây dựng và cung cấp các sản phẩm công nghiệp; thực hiện việc thanh quyết toán công trình với chủ đầu tư và các công tác khác có liên quan.

Phòng Kỹ thuật Vật tư.

Phòng Kỹ thuật Vật tư là đầu mối giải quyết các lĩnh vực công tác kỹ thuật thi công các công trình điện, công trình công nghiệp và dân dụng, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, chất lượng



sản phẩm, sở hữu công nghiệp; kỹ thuật an toàn và vật tư- thiết bị, xe máy thi công và có nhiệm vụ chủ yếu: Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án tổ chức thi công các công trình nguồn điện, lưới điện, các công trình công nghiệp và dân dụng; biên soạn, tổ chức thực hiện các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, kỹ thuật an toàn trong Tổng công ty; tổ chức thực hiện các chương trình nghiên cứu ứng dụng khoa học, phát triển công nghệ sáng kiến cải tiến kỹ thuật; chủ trì xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm; xây dựng biện pháp về việc bảo đảm an toàn sản xuất, an toàn lao động; chủ trì tổ chức thực hiện công tác nghiệm thu, lập đầy đủ hồ sơ nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu công trình, hồ sơ hoàn công công trình; quản lý theo dõi, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000; cung ứng vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất và các công tác khác có liên quan.

Phòng Kinh tế đối ngoại

Phòng Kinh tế đối ngoại là đầu mối giải quyết công việc về lĩnh vực công tác đối ngoại, hợp tác kinh tế của Tổng Công ty và có nhiệm vụ chủ yếu: Lập kế hoạch công tác hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết kinh tế với các đối tác trong nước và nước ngoài; thu thập, cung cấp thông tin trong nước và nước ngoài, phân tích đánh giá phục vụ cho việc lựa chọn đối tác hợp tác đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh; công tác tìm nguồn vốn hỗ trợ các dự án đầu tư; chuẩn bị nội dung, chương trình cho lãnh đạo Tổng Công ty trong các cuộc tiếp xúc, làm việc với các cơ quan, tổ chức nước ngoài; hoạt động xây dựng và phát triển thương hiệu của Tổng Công ty và các công tác khác có liên quan.

Ban Quản lý các dự án đầu tư

Ban Quản lý các dự án đầu tư là đầu mối giải quyết lĩnh vực quản lý các dự án đầu tư, công tác đền bù, giải phóng mặt trong thi công và có nhiệm vụ chủ yếu:

Lập hồ sơ thủ tục về các dự án đầu tư phát triển của Tổng Công ty; theo dõi, kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư; nghiệm thu khối lượng, lập hồ sơ hoàn công thuộc các dự án do Tổng Công ty làm chủ đầu tư; Chủ trì công tác đấu thầu, chọn thầu hoặc chỉ định thầu tư vấn, thi công xây dựng, cung cấp vật, thiết bị cho các dự án do Tổng Công ty làm chủ đầu tư; lập hồ sơ thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế của các dự án đầu tư; xây dựng các văn bản quản lý thuộc lĩnh vực quản lý các dự án đầu tư; thực hiện công tác đền bù và giải phóng mặt trong thi công đối với các dự án do Tổng Công ty đầu tư và các công trình mà Tổng Công ty ký kết hợp đồng với các chủ đầu tư và các lĩnh vực công tác khác có liên quan.

Mối quan hệ giữa Công ty mẹ-Công ty con và Công ty liên kết:**Về vốn:**

Công ty mẹ đầu tư, góp vốn và các Công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật. Với phần vốn sở hữu của Công ty mẹ tại Công ty con và công ty liên kết, Công ty mẹ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty mẹ và Điều lệ của Công ty con, công ty liên kết; Công ty mẹ được hưởng cổ tức từ phần vốn góp của mình vào Công ty con, công ty liên kết



theo tỷ lệ vốn góp và Công ty mẹ được phân chia một phần thu nhập do Công ty thành viên sử dụng các nguồn lực khác của Công ty mẹ ngoài vốn góp. Bên cạnh đó các công ty con, công ty liên kết có thể nhận được sự bảo lãnh từ Công ty mẹ để thực hiện một số nhiệm vụ kinh doanh ngoài năng lực của mình;

Về quản trị:

Công ty mẹ thực hiện quyền của cổ đông thông qua đại diện của mình tham gia quản lý ở các Công ty con, công ty liên kết như quyết định cử, thay đổi, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn góp của mình. Công ty mẹ giao nhiệm vụ (bằng văn bản) và yêu cầu Người đại diện của mình xin ý kiến Công ty mẹ trước khi biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị về phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, sửa đổi bổ sung điều lệ, tăng, giảm vốn điều lệ, chia lợi tức, bán tài sản có giá trị lớn cần biểu quyết của cổ đông, thành viên HĐQT;

Về kinh tế:

Công ty mẹ xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm cho cả tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con; quyết định phương án phối hợp kinh doanh của các Công ty con, công ty liên kết trong tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con. Các quan hệ kinh tế giữa Công ty mẹ với thành viên được thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế và Công ty con, công ty liên kết hoàn toàn bình đẳng trong mối quan hệ với Công ty mẹ.

Các Công ty thành viên được sử dụng thương hiệu, logo của Công ty mẹ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty mẹ sẽ là đầu mối tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo kế toán, tài chính hợp nhất và báo cáo thống kê của cả tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con theo quy định của pháp luật;



5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 26/02/2010

TT	CỔ ĐÔNG NẮM TRÊN 5% VỐN	ĐỊA CHỈ	SỐ GCNĐKKD	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (VNĐ)	% VĐL THỰC GÓP
1	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Số 06 Phan Huy Chú, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	0106000737	9.450.000	94.500.000.000	29,53
Tổng cộng				9.450.000	94.500.000.000	29,53

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 26/02/2010

TT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN THEO ĐĂNG KÝ	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (VNĐ)	% VĐL THỰC GÓP
1	Đoàn Đức Hồng (Đại diện phần vốn Nhà nước)	4.500.000	4.500.000	45.000.000.000	14,06
2	Nguyễn Trọng Bình	252.400	252.400	2.524.000.000	0,76
3	Nguyễn Thành Đồng	403.400	303.400	3.030.400.000	0,95
4	Vũ Văn Diêm	500.000	0	0	0
5	Nguyễn Đậu Thảo	250.000	250.000	2.500.000.000	0,78
6	Trần Hồng Thịnh	250.000	55.000	550.000.000	0,17
Tổng cộng		6.155.800	5.360.800	53.604.400.000	16,72

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam



Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 quy định: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Công ty chính thức hoạt động theo đăng ký kinh doanh kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2005. Vì thế mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Bảng 4: Các công ty do VNECO nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tính đến 31/3/2010

TT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP	SỐ CỔ PHẦN NẤM GIỮ	TỶ LỆ
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Khối 3, P Trung Đô, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An	13.197.100.000	698.572	52,93%
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	197 Nguyễn Trường Tộ, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An	9.046.630.000	433.438	47,91%
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy từ, Thành phố Ban Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	11.307.960.000	524.698	46,40%
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Tiểu khu 7, Phường Bắc Lý, Thành phố	12.000.000.000	788.720	65,73%



TT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP	SỐ CỔ PHẦN NĂM GIỮ	TỶ LỆ
		Đồng Hới, Quảng Bình			
5	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO	249 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Đà Nẵng	8.384.748.000	510.200	60,85%
6	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO	740C Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh	90.075.000.000	6.310.000	70,05%
7	Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	Số 02 Lê Lợi, Thành phố Huế	59.900.000.000	4.738.500	79,11%
8	Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	Số 02 Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	21.868.021.413	1.388.594	63,50%
9	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hồi Xuân VNECO	Lô 4, BT4, KĐT Đông Bắc ga, Phường Đông Thọ, Tp Thanh Hóa	11.445.000.000	1.050.000	91,74%

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam

Vneco không chịu sự chi phối của công ty nào.

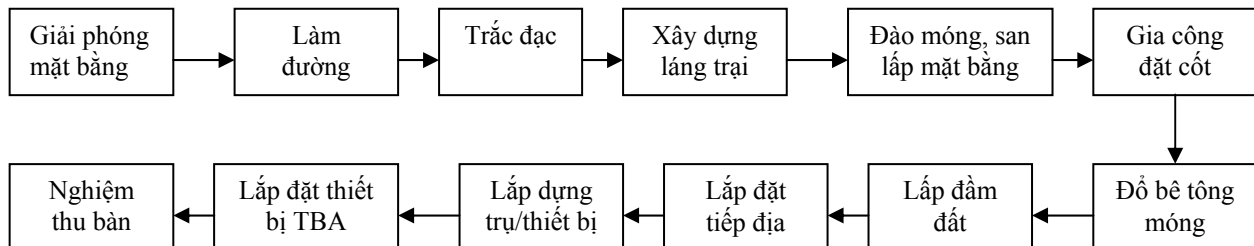
7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản phẩm, dịch vụ chính

Hiện nay Tổng Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh trên ba mảng sản phẩm chính bao gồm xây lắp, sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ du lịch.

7.1.1 Thi công xây lắp

Tổng Công ty thực hiện thi công xây lắp các hạng mục công trình nguồn điện, nhà máy thủy điện, các công trình truyền tải điện đường dây và trạm biến áp đến 500KV. Nhìn chung quy trình sản phẩm xây lắp được mô tả như sau:



Sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng, Tổng Công ty tiến hành làm đường để vận chuyển vật liệu, vật tư thi công tới những địa điểm xây dựng chưa có đường vào. Sau đó tiến hành xác định vị trí móng/mặt bằng trạm so với hồ sơ thiết kế; xây dựng lán trại cho công nhân, lán trại tập kết, bảo quản vật tư, vật liệu.

Căn cứ hồ sơ thiết kế móng, tiến hành đào đất hố móng, san lấp mặt bằng. Tiếp theo gia công cốt thép móng, sau đó dựng, buộc cốt thép theo đúng bản vẽ thiết kế. Tiến hành trộn bê tông bằng máy. Tuân thủ các quy định kỹ thuật về công tác bê tông. Sau khi đã bảo dưỡng bê tông đúng thời gian quy định, tiến hành lắp, đầm đất theo đúng dung lượng thiết kế. Tiếp theo lắp dựng trụ/thiết bị bằng phương pháp thủ công kết hợp cơ giới và rã căng dây/lắp. Trong quá trình căng dây/ lắp đặt thiết bị cần đặt biệt quan tâm đến công tác an toàn. Cuối cùng lập đầy đủ các hồ sơ kỹ thuật, chất lượng công trình, trình hội đồng nghiệm thu phê duyệt.

Tính riêng mảng xây lắp các công trình điện thế, Tổng Công ty có trên hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc thi công các công trình điện và các đường dây, trạm biến áp điện với nhiều công suất thiết kế khác nhau từ 35KV đến 500KV. Với nhu cầu phát triển của hệ thống hạ tầng viễn thông, Tổng Công ty cũng đã và đang thực hiện xây lắp nhiều công trình hệ thống thông tin liên lạc như thi công hàn nối cáp quang truyền hình, thi công hệ thống truyền hình, hệ thống điện thoại, tổng đài nội bộ và hệ thống mạng máy tính.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng thực hiện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp như xây dựng các nhà cao tầng, cao ốc văn phòng, khu nhà ở, các nhà máy thủy điện và đường giao thông.

Các công trình đã hoàn thành

- Năm 1992-1994, hoàn thành 524 km đường dây 500 Kv Bắc – Nam.
- Năm 1997-1999, hoàn thành 40 km đường dây 500kV Yaly – Pleiku.
- Năm 2001-2006, hoàn thành 488,582km của 6 đường dây 500 Kv:
 1. ĐZ 500 Kv Phú Mỹ - Nhà Bè - Phú Lâm
 2. ĐZ 500 Kv Pleiku - Phú Lâm
 3. ĐZ 500 Kv Pleiku - Đốc Sỏi - Đà Nẵng
 4. ĐZ 500 Kv Đà Nẵng - Hà Tĩnh
 5. ĐZ 500 Kv Hà Tĩnh- Thường Tín
 6. ĐZ 500 Kv Nhà Bè – Ô Môn
- Xây lắp hoàn thành 1.0142,616 Km ĐZ 220Kv.
- Xây lắp hoàn thành 1.578.349 Km ĐZ 110Kv.
- Xây lắp hoàn thành 4.400 Km ĐZ đến 35 Kv.
- Năm 2007-2009, VNECO đã thi công hoàn thành các công trình sau:
 - 1- Xây lắp hoàn thành 23,96km Đz 500kv Quảng Ninh – Thường Tín (đoạn từ G31-G35).
 - 2- Xây lắp hoàn thành 38,82km Đz 220kv Tuy Hòa – Nha Trang (đoạn từ ĐĐ-G33).
 - 3- Xây lắp hoàn thành 29,41km Đz 220kv Tuy Hòa – Nha Trang (đoạn từ G33-G50).
 - 4- Xây lắp hoàn thành 35,46km Đz 220kv Hạ Sông Ba – Tuy Hòa.
 - 5- Xây lắp hoàn thành 46,85km Đz 220kv Quy Nhơn – Tuy Hòa (đoạn từ ĐĐ-G34).

Đang thi công Xây lắp đường dây và trạm

- Xây lắp 141,616 Km ĐZ 500Kv .
- Xây lắp 171,884 Km ĐZ 220Kv.
- Xây lắp 47.6 Km ĐZ 110Kv.



ĐZ 500Kv PlâyKu - Phú Lâm - cung đoạn VNECO thi công



ĐZ 500Kv Thường Tin - Nho Quang - cung đoạn VNECO thi công

Xây lắp hoàn thành Trạm biến áp:

- Trạm biến áp 220 Kv 13 trạm.
- Trạm biến áp 110 Kv 43 trạm.
- Trạm biến áp đến 35 Kv 740 trạm.

Xây lắp hoàn thành các công trình thủy

- Trạm biến áp 500 Kv Ô Môn
- Trạm biến áp 220 Kv Phan Thiết
- Thi công đoạn đường từ km12 đến km17 thuộc hạng mục cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 669, dự án thủy điện An Khê – Kanak.
- Thi công đường vận hành giai đoạn 2 đường từ thị trấn Kbang đến Nhà máy Ka Nak, dự án thủy điện An Khê Kanak

điện:

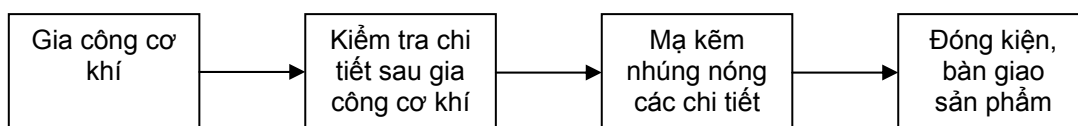
- Xây dựng hoàn thành Đập tràn xả lũ, Nhà máy, Kênh xả và đường thi công vận hành Công trình thủy điện Krông H'nhng.
- Xây dựng hoàn thành Đập tràn xả lũ, Kênh xả và đường thi công vận hành Công trình thủy điện Khe Diên.

Xây lắp hoàn thành các công trình viễn thông thông tin:

- Xây dựng hoàn thành cột anten tự đứng cao 70m cho công an tỉnh Kiên Giang và cột anten tự đứng cao 75m cho Công an tỉnh Đồng Tháp.

7.1.2 Sản xuất công nghiệp

Hiện tại, các sản phẩm chính của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp bao gồm sản xuất cột điện, gia công cơ khí, mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép, khung nhà tiền chế và sản xuất cột điện bê tông ly tâm, sản xuất gạch Block các loại. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đang thực hiện các dự án liên doanh và góp vốn đầu tư Công ty điện lực 3 và các công trình thủy điện do các công ty con của Vneco làm chủ đầu tư để thực hiện sản xuất và kinh doanh điện năng.

Quy trình sản xuất cột thép mạ kẽm nhúng nóng

Trước hết, các loại vật liệu đưa vào sản xuất phải được kiểm tra, thử nghiệm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế, sau đó căn cứ bản vẽ chi tiết theo thiết kế, cập nhật số liệu vào máy tính của máy CNC. Axit và các chất trợ dung được sử dụng để tẩy rửa chi tiết trước khi đưa vào mạ kẽm. Sau đó các chi tiết được đưa vào bể mạ và bộ phận KCS kiểm tra bề dày lớp mạ của chi tiết trước khi đưa sang xưởng đóng kiện.

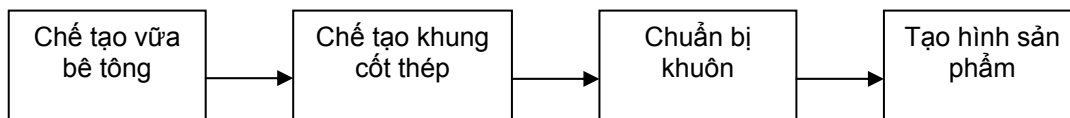
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam có bốn đơn vị thành viên có dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng, được trang bị các máy công cụ điều khiển kỹ thuật số tự động và dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng tiên tiến của Đức chế tạo vào năm đầu của thế kỷ 21. Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm ISO:9001 - 2000.



Tổng Công ty chuyên thiết kế, chế tạo các sản phẩm cơ khí: khung nhà tiền chế, trụ tháp cao, cột điện, đường dây tải điện, xà giá trụ đỡ cho thiết bị điện và các sản phẩm cơ khí khác..., đặc biệt năng suất gia công lớn và độ chính xác cao được đảm bảo nhờ hệ thống máy cắt đột liên hợp thép hình đều cạnh điều khiển tự động của Pháp.



Quy trình sản xuất cột bê tông ly tâm



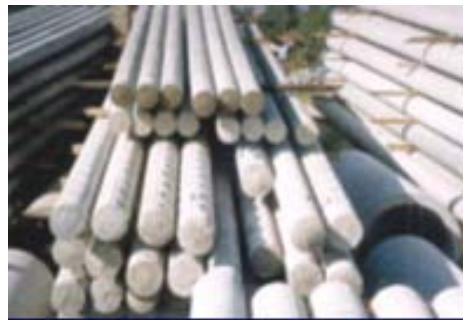
Vữa bê tông được trộn bằng máy trộn bê tông, tỷ lệ cấp phối đã được xây dựng trên cơ sở thí nghiệm thiết kế cấp phối, cốt thép dùng để chế tạo khung phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, theo đúng bản vẽ thiết kế.

Đặt khung cốt thép vào khuôn, rải vữa vào khuôn, đầm kỹ ở hai đầu của cột. Rải vữa xong, đập nắp khuôn lại, vặn chặt bu lông nẹp khuôn, bu lông chân thang, xuyên tâm và nắp chắn hai đầu. Khuôn cùng bê tông tươi được cẩu lên máy quay ly tâm, quá trình lèn chặt và tạo hình được tiến hành bằng máy quay ly tâm. Sau đó dùng



phương pháp chưng hấp nhiệt ẩm để thúc đẩy quá trình phát triển của cường độ bê tông.

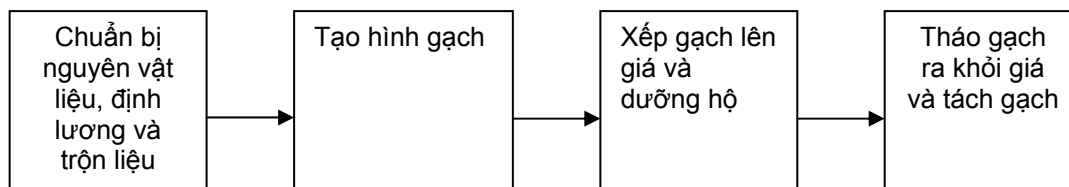
Cột bê tông cùng với khuôn sau khi chưng hấp và đã làm nguội sẽ được mở khuôn. Cột được đánh sạch bavia, thông và ren lại tấm tiếp địa, sửa chữa những khuyết điểm trong quá trình sản xuất (nếu có). Bộ phận KCS kiểm tra, cho nhập kho sản phẩm.



Quy trình sản xuất sản phẩm gạch Block

Gạch block bê tông được sản xuất theo công nghệ rung ép từ hỗn hợp bê tông cứng. Tất cả các khâu trong dây chuyền đều được tự động hoá bằng hệ điều khiển PLC: từ khâu định lượng nguyên vật liệu, trộn cốt liệu, rung ép định hình sản phẩm cho đến xếp gạch lên kệ và tháo gạch thành phẩm.

Việc sản xuất gạch block bê tông trên dây chuyền hiện đại qua các công đoạn sau



Hiện nay Tổng Công ty đang thực hiện sản xuất thêm các loại gạch Block với hai đơn vị sản xuất thường xuyên bao gồm dây chuyền sản xuất gạch Block tại Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp DCB và dây chuyền sản xuất gạch tại Vneco 2. Tổng Công ty đã có hơn 6 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất gạch Block. Mặc dù mới triển khai mảng sản phẩm mới này, nhưng Tổng Công ty đã có được những kết quả khả quan.



Sản xuất và kinh doanh điện năng

Hiện nay Tổng Công ty đang thực hiện đầu tư và xây dựng nhà máy thủy điện Hồi Xuân với tổng công suất là 102MW trên sông Mã – Thanh Hoá. Dự án đầu tư do Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng điện Hồi Xuân Vneco thực hiện với tổng mức đầu tư là trên 53 tỷ đồng. Đây là một dự án rất tiềm năng của Tổng Công ty trong giai đoạn nhu cầu về nguồn năng lượng đang trở nên ngày một cao. Đồng thời với tư cách là công ty mẹ, Tổng Công ty sẽ được chọn làm tổng thầu để thực hiện nhiều hạng mục của dự án như xây lắp, xây dựng dự án.... Vì thế việc triển khai dự án này trong năm 2010 sẽ là lợi thế để Tổng Công ty có thể thực hiện tăng khối lượng xây lắp để tăng doanh thu và lợi nhuận.

7.1.3 Dịch vụ - du lịch

Với kinh nghiệm và năng lực trong thực hiện các công trình xây lắp và sản xuất các sản phẩm công nghiệp, Tổng Công ty phát huy các thế mạnh truyền thống của mình thông qua việc cung cấp các dịch vụ tư vấn và giám sát thi công các công trình xây lắp, kiểm định chất lượng xây dựng, thử nghiệm các đặc tính của vật liệu xây dựng theo tiêu chuẩn chất lượng trong nước và quốc tế, thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn lập giải pháp và thiết kế các hệ thống viễn thông, mạng máy tính và hệ thống tổng đài điện thoại; tư vấn thiết kế lắp đặt và thí nghiệm hệ thống truyền dẫn cáp quang thông tin; đại lý kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh xăng dầu.



Đồng thời, Tổng Công ty cũng thực hiện cung cấp các dịch vụ về du lịch – lữ hành với hệ thống chuỗi các nhà hàng, khách sạn, siêu thị trong tổ hợp Vneco. Mạng dịch vụ du lịch của Tổng Công ty được cung cấp đa dạng đáp ứng được nhu cầu về du lịch trong nước và nước ngoài cho nhiều khách hàng khác nhau.

7.1.4 Bất động sản

Để phát triển mạng dịch vụ, Tổng Công ty cũng đang triển khai mở rộng các dịch vụ về bất động sản, kinh doanh cao ốc, văn phòng cho thuê đi liền với các dự án thi công xây dựng bất động sản mà Tổng Công ty đang thực hiện dự án bất động khu đô thị Mỹ Thượng với tổng mức đầu tư là trên 203 tỷ đồng và tổng diện tích quy hoạch là 435.335 m². Đây là khu trung tâm của khu đô thị mới An Vân Dương (1.800 ha) nằm ở phía đông Thành phố Huế, thuộc các xã Phú Thượng và Phú Mỹ - huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế. Công ty thực hiện đầu tư theo hình thức xây dựng mới cơ sở hạ tầng để



khai thác quỹ đất. Sau khi hoàn thành, Tổng công ty được giao lại 90% quỹ đất ở để kinh doanh nhằm thu hồi vốn và lợi nhuận. Hiện nay Công ty đã đang thực hiện giai đoạn 1 của dự án.

7.2 Sản lượng sản phẩm và cơ cấu sản phẩm chiếm trong tổng doanh thu qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu sản phẩm chính trong tổng doanh thu giai đoạn 2008- quý I/2010

Đơn vị: triệu đồng

TT	TÊN DỊCH VỤ	2008		2009		Q1/2010	
		DOANH THU	TỶ TRỌNG (%)	DOANH THU	TỶ TRỌNG (%)	DOANH THU	TỶ TRỌNG (%)
I	Thi công xây lắp	117.456	31,81	323.917	63,5	37.630	55,8
II	Sản xuất công nghiệp	82.173	22,25	2.560	0,5	-	-
III	Dịch vụ - du lịch	26.701	7,23	14.501	2,85	-	-
IV	Bất động sản	-	-	-	-	-	-
V	Doanh thu từ các Công ty con và nguồn khác	142.936	38,71	168.444	33,06	29.802	44,2
	Tổng	396.266	100,00	599.422	100,00	67.432	100,00

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt nam

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Tổng Công ty giai đoạn 2008- Quý I/2010

Đơn vị: triệu đồng

TT	TÊN DỊCH VỤ	2008		2009		Q1/2010	
		LN GỘP	TỶ TRỌNG (%)	LN GỘP	TỶ TRỌNG (%)	LN GỘP	TỶ TRỌNG (%)



Đơn vị: triệu đồng

TT	TÊN DỊCH VỤ	2008		2009		Q1/2010	
		LN GỘP	TỶ TRỌNG (%)	LN GỘP	TỶ TRỌNG (%)	LN GỘP	TỶ TRỌNG (%)
I	Thi công xây lắp	19.851	38,2	30.389	45,07	6.408	57,3
II	Sản xuất công nghiệp	662	0,12	128	0,18	-	-
III	Dịch vụ - du lịch	1.805	3,47	3.868	5,73	-	-
IV	Bất động sản	-		-		-	-
V	Các Công ty con	30.256	58,2	33.041	49	4.758	42,6
Tổng		51.978	100,00	67.426	100,00	11.166	100,00

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt nam

7.3 Nguyên vật liệu

Các nguyên vật liệu chính phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Xi măng : xi măng do các nhà máy trong nước sản xuất.
- Thép : Thép được mua trong nước và nhập khẩu từ một số nước như ; Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc...v.v
- Kẽm : nhập khẩu 100% từ Nhật Bản.
- Nguồn nguyên vật liệu phụ như cát, đá được khai thác tại chỗ; axit, dung môi... được mua trong nước.

Bảng 7: Đơn giá các nguyên vật liệu chính của Tổng Công ty

TT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ	2008	2009	Quý 1/2010
1	Xi măng	Vnđ/tấn	1.163.630	1.219.050	10.000.000



TT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ	2008	2009	Quý 1/2010
2	Thép góc L đều BCT3	Vnđ/tan	11.238.000	11.238.000	14.500.000
4	Thép tròn gai	Vnđ/tan	14.210.000	11.850.000	10.655.000
5	Thép tấm	Vnđ/tan	15.500.000	10.800.000	12.000.000
6	Kẽm	Vnđ/tan	36.000.000	37.800.000	42.000.000

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt nam

Bảng 8: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính

TT	NHÀ CUNG CẤP	NƯỚC
1	Công ty CP Xi măng Hà Tiên Kiên Giang	Việt Nam
2	Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 11	Việt Nam
3	Doanh nghiệp tư nhân thương mại Minh Sâm	Việt Nam
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	Việt Nam
5	Công ty CP Xây dựng điện VNECO5	Việt Nam
6	Công ty CP Tư vấn & Xây dựng điện VNECO	Việt Nam
7	Xí Nghiệp kinh doanh Kim khí số 1	Việt Nam
8	Công ty TNHH Thép Thành Long	Việt Nam
9	Công ty CP đầu tư & Kinh doanh thép Nhân Luật	Việt Nam
10	Công ty TNHH Trung Dũng	Việt Nam
11	NKK TRADING INC	Nhật Bản
12	Công ty TNHH Kỹ nghệ điện tử Hà Nội	Việt Nam
13	Sojits Corporation	Nhật Bản
14	Công ty TNHH Vật tư kỹ thuật TMC	Việt Nam
15	Công ty TNHH Hòa Phát	Việt Nam
17	Hyosung Corporation	Hàn Quốc
18	Marubeni-Itochu Steel Pte Ltd	Singapore
19	Công ty TNHH Phúc Hưng	Việt Nam
20	Công ty CP Kim Tín	Việt Nam
21	Công ty CP Kỹ Nguyên Mới	Việt Nam
22	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Ban Tích	Việt Nam
23	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trọng Tiến	Việt Nam

24 Công ty CP Thép Phú Mỹ Việt

Việt Nam

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam

Để đảm bảo và chủ động trong việc cung cấp nguyên vật liệu phục vụ quá trình thi công, Tổng Công ty đã áp dụng quy trình lựa chọn nhà cung cấp theo các tiêu chí cơ bản sau:

- Nhà cung cấp phải là đơn vị có uy tín, có năng lực, vật tư cung cấp phải đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng theo các quy chuẩn chất lượng Việt Nam và được chủ đầu tư chấp thuận;
- Đối với các loại vật liệu chính, mỗi công trình cần trung bình từ 2-3 nhà cung cấp để hạn chế rủi ro của yếu tố phụ thuộc.

Căn cứ các tiêu chí như trên, Tổng Công ty đã hợp tác và xây dựng mối quan hệ truyền thống, ổn định với các nhà cung cấp có uy tín và thương hiệu trên thị trường. Cùng với chính sách mua hàng linh hoạt theo diễn biến giá cả thị trường, Tổng Công ty luôn chủ động được nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho các công trình mà mình triển khai thi công.

Qua nhiều năm làm việc và hợp tác, Tổng Công ty đã tạo lập được được mối quan hệ truyền thống với các nhà cung cấp có uy tín, một số nhà cung cấp có quan hệ đối tác uy tín và lâu năm với Tổng Công ty đã có nhiều ưu đãi cho Tổng Công ty trong quá trình nhập hàng và thanh toán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu các nguyên vật liệu phục vụ cho việc sản xuất được kịp thời.

7.4 Chi phí hoạt động kinh doanh

Bảng 9: Cơ cấu chi phí của Tổng công ty giai đoạn 2008-Quý I/2010

CHI PHÍ	NĂM 2008		NĂM 2009		QUÝ I/2010	
	GÍA TRỊ	%/DOANH THU	GÍA TRỊ	%/DOANH THU	GÍA TRỊ	%/DOANH THU
Giá vốn hàng bán	317.289	66,84	441.967	46,95	56.266	64,37
Chi phí bán hàng	2.016	0,42	2.108	0,22	444	0,50
Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.910	6,51	32.619	3,46	6.274	7,17
Chi phí tài chính	80.560	16,97	89.199	9,47	17.814	20,38
Chi phí khác	31.274	6,58	274.598	29,17	67	0,07
Tổng cộng	462.049	97,33	840.491	89,29	80.865	92,52

Đơn vị tính: Triệu đồng

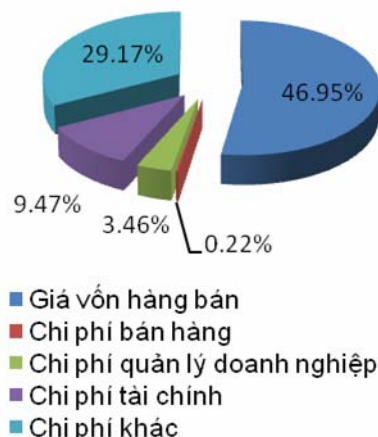
Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2008, 2009 và BCTC HN quý I/2010 của VNECO

Mặc dù mức tổng chi phí năm 2009 cao hơn so với năm trước, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng doanh thu đạt mức khá, vì thế mức lợi nhuận biên gộp của Tổng Công ty đạt mức khoảng 10%, tăng khoảng trên 3 lần so với năm trước cho thấy hiệu quả hoạt động trong năm. Trong năm 2009, với sự tăng giá của các nguyên vật liệu chính cho sản xuất, mức chi phí sản xuất của Tổng Công ty đã tăng cao hơn so với năm trước.

Giá vốn hàng bán tăng khoảng 39%, chiếm 47% tổng doanh thu. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí khác chiếm khoảng 89% tổng doanh thu, tăng khoảng 89% so với năm 2008. Mức tăng đột biến của khoản mục chi phí khác trong năm 2009 phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng quyền sở hữu khách sạn Green Plaza Đà Nẵng. Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm khoản lãi vay và các khoản chi phí liên quan đến chứng khoán đầu tư. Tổng mức chi phí tài chính trong năm 2009 tăng khoảng 10,7% so với năm trước, trong đó chi phí trả lãi vay tăng trên 12%, chiếm trên 99% trong tổng mức chi phí tài chính cho năm 2009.

Sang Quý I/2010 tổng mức chi phí của Tổng Công ty vào khoảng 80 tỷ đồng trong đó phần giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm khoảng 64%.

Biểu đồ 2 : Cơ cấu các khoản mục chi phí năm 2009



7.5 Trình độ công nghệ

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt nam có hệ thống máy móc hiện đại, phục vụ cho hoạt động xây lắp và sản xuất công nghiệp của Tổng Công ty. Một số máy móc chính hiện đang được sử dụng tại Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt nam như: dây chuyền sản xuất cột bê tông, máy đột lỗ thép tấm CNC nhập khẩu từ Italy, máy hàn, máy đột dập trục khuỷu, máy tiện, dây chuyền kềm nhúng nóng, máy siết bulông và bộ bơm hơi phục vụ cho thi công lắp dựng cột thép, máy ép thủy lực phục vụ cho thi công kéo căng dây, máy trộn bê tông, máy phát điện, máy nén khí phục vụ cho các công trình thi công thủy điện....



Máy đột thép tấm P803A - CNC (Ficep Italy)



Hệ thống cắt đột liên hợp VP 204 CNC : (VERNET BEHRINGGER)



Máy ép thủy lực



Dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng



Thiết bị hàn nối và đo cáp quang



Máy tăng hãm, máy tời đồng bộ



Dây chuyền sản xuất gạch block



Hệ thống máy sản xuất gạch block



Máy ép nối dây dẫn phục vụ công trình cáp quang

7.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Tổng Công ty kiểm soát chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 .

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Tổng công ty bao gồm Phòng Kỹ thuật - Vật tư Tổng công ty, Ban quản lý các dự án đầu tư Tổng công ty, Phòng Kỹ thuật các công ty thành viên, Bộ phận KCS của các phân xưởng sản xuất

Kiểm tra chất lượng đất đắp: Kiểm tra chất lượng và độ chặt của nền đất móng, kiểm tra chất lượng của nguồn đất dùng đắp, kiểm tra quy trình và kỹ thuật tổ chức thi công, kiểm tra độ chặt đầm nén

trong từng lớp đất.

Kiểm tra chất lượng cáp pha: Cáp pha được chế tạo trong xưởng gia công cáp pha theo một dây chuyền sản xuất từ vật liệu thô đến thành phẩm. Sau khi được sản xuất ra, tiến hành kiểm tra kích thước và chất lượng theo quy phạm rồi mới chờ đến công trường để sử dụng.

Kiểm tra chất lượng cốt thép trong bê tông: Nội dung kiểm tra bao gồm thép nhập vào, các mối buộc hoặc hàn, các kết cấu cốt thép (vạch mức, cắt, uốn, kích thước khung cốt thép), lắp các kết cấu cốt thép vào vị trí đổ bê tông (quan sát vị trí, lấy mẫu kiểm tra chất lượng mối hàn...).

Kiểm tra chất lượng bê tông: để đảm bảo chất lượng bê tông phải tiến hành kiểm tra chất lượng của bê tông từ khâu chuẩn bị vật liệu, sản xuất bê tông, vận chuyển, đổ và bảo dưỡng bê tông.

Kiểm tra chất lượng cấu kiện thép và lắp dựng cột: Tất cả các bu lông, thép hình... trước khi lắp dựng phải kiểm tra đúng nhãn hiệu, chủng loại. Dựa vào bản vẽ, tổng kê để đối chiếu kiểm tra số chi tiết và bu lông đưa vào lắp dựng.

Kiểm tra mối nối dây dẫn, dây chống sét:

Kiểm tra lắp đặt cáp ngầm: Sau khi lắp đặt cáp ngầm xong phải tiến hành thí nghiệm tất cả các hạng mục theo quy định trong TCN-26-87 "Khối lượng và tiêu chuẩn thử nghiệm, nghiệm thu, bàn giao các thiết bị điện - phân cấp điện lực". Các hạng mục được thí nghiệm phải được lập thành biên bản.

Kiểm tra chất lượng sau khi lắp máy biến áp: Lấy 4 mẫu dầu tại: bình dầu phụ chính, đáy máy, mặt máy, bộ OLTC và kiểm tra điện áp đánh thủng. Nếu kết quả đo được bằng hoặc cao hơn so với kết quả của nhà chế tạo thì thôi, nếu thấp hơn, thì phải lọc lại. Kiểm tra bằng máy OTS80AF/2(của Mỹ), kiểm tra cách điện của sứ xuyên máy biến áp bằng Mègomet model 3120., Kiểm tra TI bằng đồng hồ vạn năng...

Kiểm tra chất lượng sau khi lắp dao cách ly

Kiểm tra việc siết chặt các bu lông trụ đỡ và giá đỡ (trừ bu lông trên đầu sứ bắt lưỡi dao chỉ hơi bắt chặt).

Kiểm tra chất lượng sau khi lắp máy cắt: Kiểm tra độ thẳng bằng của trụ đỡ, giá đỡ máy cắt bằng thước thủy bình, kiểm tra độ thẳng đứng của các cực máy cắt bằng thước thủy bình, kiểm tra sự vận chặt các bu lông.

Kiểm tra các máy và các thiết bị khác

7.7 Hoạt động marketing

Chính sách giá cả:

Đối với sản phẩm xây lắp và sản phẩm công nghiệp, Tổng công ty có chủ trương cung cấp sản phẩm chất lượng tốt với giá cả hợp lý cho khách hàng là các chủ đầu tư, các ban quản lý đặc biệt là tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN).

Đối với sản phẩm du lịch có thương hiệu chung "GREEN HOTEL", kinh doanh siêu thị "GREEN



MART" việc xây dựng và ban hành đơn giá các sản phẩm dịch vụ trên cơ sở giá thành, chi phí và theo dõi để phù hợp với cung cầu của thị trường, trên từng địa bàn khu vực vừa đảm bảo tính cạnh tranh, vừa đảm bảo kinh doanh có hiệu quả. Trong một số trường hợp chính sách giá cả thực hiện nguyên tắc giá cả linh hoạt. Ngoài ra VNECO tiến hành hỗ trợ chung cho các hoạt động hội nghị khách hàng, quảng bá sản phẩm, tham gia các hiệp hội ngành nghề, đào tạo lại hoặc đào tạo mới nguồn nhân lực.

Chính sách khuyến trương quảng bá thương hiệu:

Thâm nhập thị trường: Tăng số lượng các sản phẩm hiện tại trên thị trường bằng cách thực hiện chính sách Marketing hỗn hợp (những chiến dịch quảng cáo mới, hữu hiệu; nhân rộng và tăng cường mạng lưới tiêu thụ; và giảm giá, v.v...) nhằm để thu hút khách hàng của đối thủ cạnh tranh hay những khách hàng mới.

Phát triển sản phẩm: Đưa ra các sản phẩm hoàn thiện hơn hay các sản phẩm mới trên thị trường hiện tại.

Đa dạng hoá: Đưa ra những sản phẩm mới trên những thị trường hoàn toàn mới.

Quá trình triển khai thực hiện chính sách Marketing:

Chăm sóc khách hàng:

Đối với các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, đây là nghề truyền thống, cho nên Tổng Công ty phát huy các thế mạnh vốn có để phối hợp (với tư cách là tổng thầu) cùng với chủ đầu tư là những khách hàng lớn, gắn bó với Tổng Công ty, như: Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Ban quản lý dự án lưới điện miền Bắc, Trung, Nam và các cơ quan có liên quan để thi công các công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ, đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp đồng thời góp phần xây dựng hoàn thành hệ thống tải điện nhu cầu phát triển kinh tế đất nước.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty tăng cường mối quan hệ với ngành Điện lực Lào để triển khai thi công một số công trình đường dây và trạm cho nước bạn Lào.

Sản xuất công nghiệp (sản phẩm cột điện thép, khung nhà tiền chế và gia công cơ khí, cột điện bê tông) chủ yếu dùng trong các ngành Điện, ngành Bưu chính viễn thông và ngành xây dựng công nghiệp, dân dụng. Nhóm khách hàng chủ yếu đối với lĩnh vực này là Tập đoàn điện lực, các đơn vị sản xuất, kinh doanh điện năng; các chủ đầu tư thuộc Tập đoàn bưu chính viễn thông và các chủ đầu tư trong ngành xây dựng.

Đối với lĩnh vực xây dựng công nghiệp, xây dựng cỡ hạ tầng, giao thông, thủy lợi, khách hàng chủ yếu là chủ đầu tư các nhà máy thủy điện vừa và lớn, các chủ đầu tư dự án công trình hạ tầng cơ sở.

Đối với các sản phẩm du lịch, khách sạn, dịch vụ, nhóm khách hàng chủ yếu là các Công ty lữ hành trong nước, đơn vị lữ hành nước ngoài và một số đơn vị hoạt động hỗ trợ phát triển kinh doanh du lịch, khách sạn để đảm bảo nguồn khách sử dụng các sản phẩm du lịch của hệ thống các khách sạn, nhà hàng, dịch vụ, du lịch Xanh của Tổng Công ty.



Đối với sản phẩm điện năng, hiện nay Tổng Công ty đang đẩy mạnh đầu tư một số nhà máy thủy điện trên địa bàn các tỉnh miền Trung, kể cả liên doanh với Công ty Điện lực 3 đầu tư thủy điện EaKrông Năng và thủy điện Khe Diên (đã hòa lưới điện quốc gia) khách hàng ở đây là Tập đoàn Điện lực và các Công ty kinh doanh điện khu vực miền Trung.

Phát triển sản phẩm

Trên cơ sở phân tích các điểm mạnh, Tổng công ty phát huy thế mạnh vốn có của ngành xây lắp điện, xây dựng công nghiệp, sản xuất các sản phẩm cột điện thép, gia công cơ khí, kinh doanh du lịch. Tổng công ty khai thác tối đa nguồn lực để tập trung đầu tư các nhà máy thủy điện, đầu tư các cơ sở sản xuất cột điện thép mạ kẽm nhúng nóng với công nghệ tiên tiến thay thế dần các nhà máy sản xuất cột điện bê tông, đầu tư các nhà máy sản xuất gạch xây dựng; đầu tư các cơ sở kinh doanh khách sạn, cung cấp dịch vụ du lịch đạt tiêu chuẩn 3 sao, 4 sao tại các địa bàn trọng điểm kinh tế của miền Trung, là nơi có nhiều danh lam, thắng cảnh như Nha Trang, Đà Nẵng, Huế, Nghệ An và Thành phố Hồ Chí Minh.

Yêu cầu đặt ra là tận dụng thế mạnh, khai thác tối đa nguồn lực hiện có của Tổng công ty so với đối thủ cạnh tranh trong từng lĩnh vực nhằm đem đến sự thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

Tổng công ty tập trung vào việc tạo ra sản phẩm đa dạng hoá và xây dựng chương trình Marketing làm cho sản phẩm tạo ra trở thành đặc trưng tiêu biểu cho ngành kinh doanh. Đây là chiến lược mà Tổng Công ty đã áp dụng trong những năm vừa qua cả những năm sau, như tạo ra sản phẩm cột điện thép mạ kẽm nhúng nóng, các sản phẩm dịch vụ dịch lịch đạt tiêu chuẩn 3 sao, 4 sao ở các Sở du lịch miền Trung và Sài Gòn. Phát triển sản phẩm điện năng đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của khách hàng khu vực miền Trung, miền Bắc. Triển khai hoạt động kinh doanh bất động sản, nhà ở, cho thuê văn phòng tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và miền Trung (Đà Nẵng, Thành phố Huế...).

Cơ chế giá linh hoạt

Tổng công ty tổ chức kênh phân phối hợp lý sao cho giá bán hạ hơn các đối thủ cạnh tranh để chiếm một thị phần lớn trong hoạt động kinh doanh; Tổng Công ty áp dụng chính sách giá cả linh hoạt, thể hiện rõ trong kinh doanh dịch vụ, du lịch giá cả thay đổi theo từng thời điểm do vậy, đã thu hút được khách hàng đến với Tổng Công ty ngày càng đông.

Đối với lĩnh vực Xây lắp điện và xây dựng công nghiệp hoạt động trên địa bàn cả nước và nước bạn Lào, Tổng Công ty tổ chức lực lượng thi công chuyên nghiệp biên chế vào các Công ty thành viên đặt trụ sở tại tỉnh lỵ của các tỉnh miền Trung, miền Nam, Tây Nguyên và các thành phố lớn Sài Gòn, Hà Nội, Đà Nẵng, bố trí hợp lý trên các địa bàn thi công giảm chi phí chuyển quân, vận chuyển thiết bị, dụng cụ thi công giảm chi phí sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh để giành được thị phần lớn trong Xây lắp điện điện, cung cấp các sản phẩm công nghiệp.

Sản phẩm cột điện thép chi phí vận chuyển chiếm tỷ lệ lớn trong chi phí, Tổng Công ty đã đặt một Nhà máy sản xuất cột điện thép tại Sài Gòn để cung cấp kịp thời cung cấp cho các công trình điện phía Nam và hệ thống viễn thông đang phát triển ở miền Nam. Nhà máy chế tạo kết cấu thép tại Đà Nẵng thực hiện cung cấp cột điện khu vực miền Trung và phía bắc miền Bắc, giảm chi phí vận chuyển, từ đó hạ giá thành.

Phân đoạn thị trường

Về xây dựng các công trình điện, Tổng Công ty làm tổng thầu với những công trình với quy mô lớn (ĐZ 220 KV trở lên) hoặc những công trình có đặc tính kỹ thuật cao, thi công phức tạp như các trạm biến áp 220 KV, 500KV .

Trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn, du lịch, Tổng Công ty thực hiện phân đoạn theo khách hàng sử dụng dịch vụ trên cơ sở khách sạn 3 sao, 4 sao và dịch vụ cao cấp khác trong kinh doanh du lịch. Trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng, Tổng công ty tập trung những mặt hàng nhu cầu lớn trên thị trường xây dựng như Xi măng, gạch xây dựng và kinh doanh mặt hàng trang trí nội thất cao cấp.

Về sản xuất điện năng, Tổng công ty thực hiện đầu tư các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ.

Về kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà, Tổng công ty tập trung thị trường các thành phố Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, thành phố Huế

7.8 Nhân hiệu thương mại, đăng kí bản quyền sản phẩm

Nhãn hiệu thương mại: **VNECO**



Nhãn hiệu hàng hoá của Tổng công ty được đăng ký theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 54185 do Cục sở hữu trí tuệ Công nghiệp cấp ngày 12/5/2004.

7.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã kí kết

Bảng 10: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên công	Giá trị hợp đồng	Giá trị đã thực hiện đến 31/05/2010	Sản lượng dở dang	Quy mô công trình
		1	2	3=1-2	



I	Các công trình chuyển tiếp	778,224,849,468	553,770,918,347	224,453,931,121	
1	ĐZ 500kV Quảng Ninh - Thương Tín	51,761,557,254	50,056,246,297	1,705,310,956	23,96 km
2	ĐZ 500kV Sơn La - Hòa Bình & SL - NQ (gi 11.1)	57,599,298,999	55,738,086,414	1,861,212,585	20,015 km
3	ĐZ 500kV Sơn La - Hòa Bình & SL - NQ (gi 12.3)	58,955,959,999	54,889,795,481	4,066,164,518	20,368 km
4	ĐZ 500kV Sơn La - Hòa Bình & SL - NQ (gi 13.1)	50,010,099,146	36,309,612,417	13,700,486,729	28,628 km
5	ĐZ 500kV Sơn La – Hiệp Hoà (gi 5,3)	112,000,000,000	29,341,925,152	82,658,074,848	21,603 km
6	ĐZ 500kV Sơn La – Hiệp Hoà (gi 7.1)	69,802,048,000	11,788,125,989	58,013,922,011	20,838 km
7	ĐZ 220Kv Bản Lả - Vinh (t G76-ĐC và MR) HĐ43	43,695,885,338	44,170,255,576	(474,370,238)	35,12 km
8	ĐZ 500kV Phú Mỹ - Sông Mây	72,542,084,724	29,852,960,227	42,689,124,497	30,164 km
9	Trạm biến áp 500kV Ô Môn (HĐ cũ phát sinh)	49,275,346,143	49,102,126,673	173,219,470	450MVA
10	ĐZ 220kV Ô Môn – Thốt Nốt	44,493,053,449	44,344,295,792	148,757,657	27,11 km
11	ĐZ 220kV Ô Môn - Sóc Trăng	56,110,799,263	51,552,672,580	4,558,126,683	79,593 km
12	ĐZ 220KV TĐ Đồng Nai 3 - Trạm 500Kv Đăk Nông	17,711,125,875	12,660,894,400	5,050,231,475	30,061 km
13	TBA 220Kv Phan Thiết	24,410,845,000	23,788,386,518	622,458,482	125MVA
14	Mạng I 220kV tại NMĐ Ô Môn	4,642,931,776	3,390,625,121	1,252,306,655	
15	ĐZ 110kV Trảng - Bàn Đức Hoà	24,187,162,621	17,773,767,752	6,413,394,869	47,6 km
16	Dự án HT Mobil (xây lắp) theo đơn hàng	37,326,651,881	36,421,141,958	905,509,923	
17	XL cột anten 70m Kiên Giang, 75m Đồng Tháp	3,700,000,000	2,590,000,001	1,109,999,999	
II	Các công trình dự kiến thi công trong năm 2010			575,117,000,000	
	Thủy điện Hồi Xuân			83,739,000,000	102 MW
	Các công trình ĐZ và TBA chỉ định thầu và đấu thầu			338,494,000,000	
	Các công trình giao thông, xây dựng chỉ định thầu và đấu thầu			120,000,000,000	
	Khu dân cư 227 Bến Bình Đông			32,884,000,000	



III	Các công trình khác		90,000,000,000
	Tổng cộng: (I+II+III)	778,224,849,468	889,570,931,121

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam

7.10 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh 2008 – Q1/2010

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	2008	2009		Q1/2010
	GIÁ TRỊ	GIÁ TRỊ	% TĂNG (GIẢM)	GIÁ TRỊ
Tổng giá trị tài sản	2.031.307	1.962.377	-3.39	1.876.326
Doanh thu	369.266	509.422	37.96	67.432
Doanh thu thuần	368.911	509.385	38.08	67.432
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-33.443	-28.071	-16.06	6.007
Lợi nhuận khác	45.747	128.820	181.59	527
Lợi nhuận trước thuế	414	111.011	26714.25	6.863
Lợi nhuận sau thuế	-557	93.819	NA	5.975

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý 1/2010 của Tổng Công ty

Tổng giá trị tài sản trong năm 2009 của Tổng Công ty giảm so với năm trước khoảng 3,39% xuống còn 1.962.377 triệu đồng, trong đó giá trị tài sản cố định giảm so với năm trước 25,7% xuống còn 509.604 triệu đồng. Năm 2009 được đánh giá là một năm sản xuất kinh doanh hiệu quả của Tổng Công ty với mức tăng trưởng của tổng doanh thu đạt trên 37% so với năm 2008, đạt giá trị khoảng 509 tỷ đồng. Mặc dù mức tổng chi phí của Tổng Công ty cũng tăng hơn so với năm trước, nhưng với hiệu quả sử dụng vốn, Tổng Công ty đã đạt mức lợi nhuận trước thuế trên 111 tỷ đồng. Trong quý



I/2010, với những lợi thế về thị trường Tổng Công ty đã đạt mức tổng doanh thu hơn 67 tỷ đồng, với lợi nhuận trước thuế là trên 6,8 tỷ đồng

Trong năm 2009 Tổng Công ty đã chuyển nhượng Dự án khách sạn Green Plaza Đà Nẵng địa chỉ tại 223 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (bao gồm Nhà Văn phòng Tổng Công ty; khách sạn Green Plaza Đà Nẵng và các trang thiết bị kèm theo) với diện tích đất là 2.823,4m² (bao gồm 54,6 đất có quyền sử dụng lâu dài và 2.768,8 m² đất thuê) cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng Thiên Thanh.

Cũng trong năm 2009, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 234 Nguyễn Văn Linh, Thanh Khê, Đà Nẵng với diện tích đất 562,5m² (quyền sử dụng lâu dài), giá trị nhận chuyển nhượng là 42,5 tỷ đồng.

8. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi:

- Là một Tổng Công ty hoạt động lâu năm trong lĩnh vực xây lắp, thi công công trình, Tổng Công ty có những thuận lợi về kinh nghiệm và uy tín trong ngành, đã thực hiện nhiều dự án lớn nhỏ trên khắp cả nước. Đây là một trong những lợi thế rất lớn, đặc biệt là lợi thế về thị trường cho Tổng Công ty trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt như hiện nay
- Hàng năm ngành điện đầu tư hàng ngàn tỷ đồng để phát triển nguồn điện, đã tạo rất nhiều thuận lợi cho VNECO trong việc dành các hợp đồng xây dựng, đầu tư các nhà máy điện theo hình thức BOO để cung cấp điện cho nền kinh tế.
- Chất lượng công trình được Tổng Công ty đặt lên hàng đầu, tạo được niềm tin nơi khách hàng. Đây cũng là một trong những yếu tố thuận lợi giúp cho công ty thu hút thêm lượng khách hàng tiềm năng.
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật trẻ, năng động có trình độ chuyên môn và nhiệt huyết cao, tập thể Tổng Công ty đoàn kết, nhất trí, phát huy sức mạnh tập thể.
- Nhu cầu đầu tư phát triển các nhà ở, các khu đô thị mới và các công trình cơ sở hạ tầng, năng lượng (điện) ngày càng cao sẽ tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh cho Công ty trong tương lai.
- Nhu cầu về du lịch và nghỉ dưỡng của người dân ngày càng tăng cao, vì thế sẽ hứa hẹn nhiều triển vọng cho mảng kinh doanh du lịch – lữ hành của Tổng Công ty
- Công ty có quan hệ tốt và có uy tín với các ngân hàng thuận lợi trong quá trình huy động vốn và được hưởng cơ chế lãi suất ưu tiên so với các doanh nghiệp khác.
- Công ty luôn chú trọng công tác quảng bá, tiếp thị nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh; xây dựng và phát triển thương hiệu, tạo nguồn vốn đầu tư thông qua việc liên kết liên doanh với các đối tác trong



và ngoài nước để tạo bước đệm vững chắc đưa doanh nghiệp đi lên trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế.

Khó khăn

- Do nguyên vật liệu: xi măng, thép các loại, kẽm thỏi có giá trị lớn và để đảm bảo cho các sản phẩm đạt chất lượng theo yêu cầu của khách hàng, VNECO mua trong nước hoặc nhập khẩu nguyên vật liệu dự trữ để phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh nhưng trong năm báo cáo giá các loại hàng hoá này biến động liên tục trong khi giá đấu thầu là giá cố định
- Việc cạnh tranh không lành mạnh giữa các đơn vị hoạt động trong cùng lĩnh vực thể hiện ở quá trình đấu thầu, với giá thầu thấp hơn giá thành làm cho VNECO với chất lượng sản phẩm phù hợp khó cạnh tranh. Ngoài ra các doanh nghiệp xây lắp thành lập thêm dù qui mô nhỏ (vốn điều lệ nhỏ hơn 10 tỷ) cũng chiếm khá nhiều thị phần trong xây lắp các công trình có qui mô lớn hơn hoặc bằng 35kV
- Sự biến động của thị trường bất động sản sẽ có những ảnh hưởng đáng kể khi Tổng công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh đất đai, nhà ở, khu đô thị mới
- Ngoài ra, những biến động của thời tiết, thiên tai cũng sẽ là những nhân tố khách quan tác động đến hiệu quả và tiến trình các dự án xây dựng, đặc biệt là các dự án xây dựng các công trình thủy điện

9. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của Tổng Công ty trong ngành

Sau khi được tách ra từ Bộ Công Nghiệp để tiến hành cổ phần hoá và hoạt động theo mô hình mẹ - con, từ một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nay Tổng công ty đã đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Với các sản phẩm của mình VNECO luôn đáp ứng được tiến độ, chất lượng sản phẩm xây lắp và sản xuất công nghiệp nên được sự tin tưởng của Bộ Công Nghiệp, EVN và các chủ đầu tư. Hiện nay, Tổng Công ty là một trong những đơn vị hàng đầu trong ngành Xây lắp đường dây và trạm của Việt Nam.

Đối với ngành xây lắp, khối lượng dự án trong giai đoạn 2006-2010 là quá lớn và hiện nay chỉ có một số đơn vị chuyên ngành mới đáp ứng được năng lực thi công. VNECO với 15 đơn vị thi công chuyên ngành chiếm khoảng 35%-40% thị phần. Khách hàng chính của VNECO là EVN- tập đoàn mạnh của Việt Nam, do nhu cầu phát triển nên các công trình lưới và nguồn phân bổ trong cả nước.

Đối thủ cạnh tranh của Tổng Công ty trong ngành xây lắp là: Công ty TNHH MTV xây lắp điện 2, Công ty TNHH MTV xây lắp điện 4, Công ty cổ phần xây lắp điện 1, Công ty cổ phần lắp máy và xây



dựng điện, Công ty cổ phần Năng lượng, Công ty Sông Đà 11.

Đối với ngành nghề sản xuất công nghiệp, đối thủ cạnh tranh của Tổng Công ty là Công ty cổ phần xây lắp điện 1, Công ty TNHH MTV xây lắp điện 2, Công ty TNHH MTV xây lắp điện 4, Kalpataru Power Transmission Ltd (Ấn Độ), Hyundai-Dong Anh Tower MFG Co,

Đối với ngành dịch vụ du lịch, đối thủ cạnh tranh của Tổng Công ty là các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề có thương hiệu như là Công ty du lịch Hương Giang, Saigon Tourist...

9.2 Triển vọng phát triển của ngành:

Theo Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 có xét triển vọng đến năm 2020 (gọi tắt Quy hoạch điện V) của Thủ tướng chính phủ số 95/2001/QĐ-TTG ngày 22/06/2001 theo các nội dung chính sau đây:

Về nhu cầu phụ tải:

Phát triển ổn định, nâng cao chất lượng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phụ tải cho sinh hoạt của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đến hết năm 2005, các nhà máy điện trong cả nước sản xuất đạt sản lượng từ 45 đến 50 tỷ kWh, dự báo năm 2010 đạt sản lượng từ 70 đến 80 tỷ kWh và năm 2020 đạt sản lượng từ 160 - 200 tỷ kWh.

Về phát triển nguồn điện:

Phát triển nguồn điện phải đáp ứng nhu cầu phụ tải nói trên, đảm bảo cung cấp điện an toàn, chất lượng, ổn định, hiệu quả, hợp lý để phát triển kinh tế - xã hội. Khai thác tối đa các nguồn năng lượng có hiệu quả kinh tế như: thủy điện, nhiệt điện khí, nhiệt điện than, nhiệt điện dầu, các dạng năng lượng mới... kết hợp với từng bước trao đổi điện hợp lý với các nước trong khu vực. Ưu tiên xây dựng các nhà máy thủy điện có các lợi ích tổng hợp như: chống lũ, cấp nước, sản xuất điện. Phát triển thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời... cho các khu vực xa lưới điện, miền núi, biên giới, hải đảo.

Trong đó giai đoạn 2006-2010: xây dựng 21TBA 500kV, 26TBA 220kV, 945km đường dây 500kV, 1.590km đường dây 220kV và hàng ngàn km đường dây 110kV

Như vậy, mức tăng trưởng lớn và ngành điện đòi hỏi phải có nguồn vốn lớn mới đáp ứng được trong cơ chế các đơn vị được đầu tư xây dựng các nhà máy điện độc lập (IPP) theo các hình thức BOO, do vậy Bộ Công Nghiệp đã có quyết định 30/BCN ngày 31/08/2006 cho các nhà đầu tư xây dựng Dự án điện độc lập (IPP) là dự án đầu tư xây dựng nguồn điện không sử dụng vốn ngân sách nhà nước để đầu tư, khai thác và bán điện theo quy định của pháp luật về điện lực và thông qua các hình thức



Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (BOO) hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật. Tuy vậy do các công trình nguồn đòi hỏi vốn lớn trong khi theo cơ chế cho vay hiện nay làm các nhà đầu tư cũng gặp khó khăn khi quyết định đầu tư dự án nguồn.

Đối với ngành nghề kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty bao gồm một số lĩnh vực chính như: Xây lắp điện, sản xuất kết cấu thép phục vụ xây lắp điện, kinh doanh dịch vụ du lịch, kinh doanh điện năng, kinh doanh địa ốc, v.v..., đây là những lĩnh vực chính được khuyến khích đầu tư, đặc biệt là ngành điện, du lịch, v.v... Do vậy, trong tương lai Chính phủ vẫn duy trì khuyến khích đầu tư phát triển các lĩnh vực trên .

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

Căn cứ vào dự báo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, chiến lược phát triển của Tổng công ty và kế hoạch triển khai các dự án, VNECO đặt ra mục tiêu đưa Tổng công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành, với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng, sản xuất công nghiệp, đẩy mạnh hoạt động đầu tư các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, phát triển kinh doanh dịch vụ - du lịch.

Với tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm gần đây, đời sống của người dân được nâng cao nhiều, do đó nhu cầu sử dụng các dịch vụ cũng tăng. Thêm vào đó Việt nam hiện đang là một trong những điểm đến hấp dẫn đối với nhiều du khách nước ngoài, do vậy Tổng Công ty đặc biệt chú trọng đẩy mạnh đầu tư mảng dịch vụ-du lịch. Điều này hoàn toàn phù hợp với chính sách chung của Nhà nước trong tương lai.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng và cơ cấu lao động trong Tổng Công ty

Tính đến thời điểm 31/03/2010, tổng số lao động của Tổng Công ty và các công ty con là 3112 người.

Bảng 12: Cơ cấu lao động của Công ty

TIÊU CHÍ	TOÀN CÔNG TY		CÔNG TY MẸ	
	TY	TỶ LỆ(%)	TY MẸ	TỶ LỆ(%)
Phân theo trình độ học vấn				
Trên đại học	3	0.10	2	2.15
Đại học, cao đẳng	582	18.70	69	74.19



Trung cấp	541	17.38	12	12.90
Công nhân kĩ thuật	1986	63.82	10	10.75
Tổng	3112	100.00	93	100.00

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt nam

10.2 Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Tổng công ty đã xây dựng thoả ước lao động tập thể được Hội nghị Người lao động thông qua ngày 27/02/2006 và xây dựng Nội qui lao động được Sở lao động thương binh xã hội thành phố Đà Nẵng chấp nhận ngày 16/4/2006, được thông báo đến từng người lao động để thực hiện. Theo đó, giờ làm việc được qui định 44 giờ/tuần, nghỉ hàng tuần vào chiều thứ Bảy và ngày Chủ nhật, những trường hợp không thể nghỉ hàng tuần vào chiều thứ 7 và ngày Chủ nhật thì sẽ bố trí nghỉ luân phiên hoặc thanh toán tiền làm thêm giờ theo qui định của Bộ luật Lao động và của Tổng công ty.

Chế độ làm thêm giờ : Người sử dụng có thể thỏa thuận với người lao động để làm thêm giờ. Tổng số giờ làm thêm trong năm không quá 200 giờ, trường hợp đặc biệt cũng không quá 300 giờ.

Chế độ nghỉ hàng năm : Người lao động trong điều kiện bình thường được nghỉ 12 ngày phép/năm, người lao động trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc, độc hại được nghỉ 14, hoặc 16 ngày phép/năm. Ngoài ra, cứ 5 năm công tác được cộng thêm 01 ngày. Nghỉ lễ, tết : Tổng cộng 9 ngày theo qui định hiện hành. Tuy nhiên do đặc thù của ngành xây lắp, người lao động có thể được nghỉ thêm vào dịp tết Nguyên đán tùy thuộc vào mức độ hoàn thành kế hoạch trong năm và không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch của năm sau;

Chế độ ốm, đau, thai sản thực hiện theo quy định của pháp luật lao động hiện hành và theo hướng có lợi hơn cho người lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Về tuyển dụng: Tổng Công ty ban hành quy chế tuyển dụng lao động và thực hiện việc tuyển dụng nhân sự qua các nguồn học sinh tốt nghiệp các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường công nhân kỹ thuật trên địa bàn các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Mục tiêu tuyển dụng của Tổng Công ty là thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển các lĩnh vực sản xuất điện năng, sản xuất công nghiệp và kinh doanh du lịch. Đối với các vị trí chủ chốt, yêu cầu tuyển dụng rất khắt khe, các tiêu chuẩn bắt buộc về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, khả năng phân tích và dự báo.

Đào tạo: Công tác đào tạo, bồi dưỡng được Tổng Công ty quan tâm, chú trọng. Hàng năm, Tổng



Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý và tay nghề cho công nhân viên. Hình thức đào tạo tập trung, đào tạo kèm cặp và gửi đi đào tạo bên ngoài. Đối với lao động mới tuyển dụng, Tổng Công ty tổ chức đào tạo nghiệp vụ để trang bị cho người lao động những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc. Ngoài ra, tạo điều kiện bố trí công việc phù hợp để những lao động có khả năng phát triển mà có nhu cầu học tập nâng cao trình độ đi học các khoá đào tạo tập trung, đào tạo tại chức ở các trường đại học.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng của ngành nghề kinh doanh và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Việc trả lương được căn cứ vào trình độ, năng lực và gắn với hiệu quả công việc của cán bộ, công nhân viên từ đó khuyến khích người lao động làm việc hăng say, tăng năng suất góp phần xây dựng và phát triển Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích động viên nhân viên giỏi và thu hút lao động có trình độ, năng lực từ các nơi khác về làm việc cho Tổng Công ty.

Chính sách khen thưởng phúc lợi: Để kịp thời khuyến khích, động viên, tuyên dương lao động giỏi, lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tích cực cải tiến phương pháp làm việc, Tổng Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho những người đã có đóng góp tích cực đem lại hiệu quả kinh tế cho Tổng Công ty.

Hàng năm, Tổng Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên, lao động giỏi đi nghỉ mát, thăm quan du lịch trong nước, tổ chức nghỉ điều dưỡng tại chỗ, tổ chức khám định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

Hoạt động văn nghệ, thể thao diễn ra sôi nổi từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên. Định kỳ hai năm một lần, Tổng Công ty tổ chức hội diễn văn nghệ công nhân lao động, hội thao thể thao trong cả tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ.

11. Chính sách cổ tức

Do đặc điểm ngành nghề kinh doanh, tỷ trọng doanh thu trong những năm đầu cổ phần vẫn nghiêng về các sản phẩm chính là Xây lắp xây dựng và sản xuất công nghiệp, lợi nhuận trong những năm đầu vì thế không cao và có sự biến động. Vì vậy, chính sách chi trả cổ tức của Tổng Công ty là ổn định ở mức trung bình khá và có xu hướng gia tăng qua các năm.

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;



và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả.

Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép, HĐQT quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo sáu tháng một lần.

Tỷ lệ chi trả cổ tức được dự kiến bình quân 16 %/năm từ khi Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Mức chi trả cổ tức qua các năm như sau:

Bảng 13: Tỷ lệ chi trả cổ tức của Tổng Công ty qua các năm

Năm	Mức chi trả cổ tức
2007	15%
2008	0%
2009	20%
Dự kiến 2010	16%

12. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

12.1 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được xác định theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc: Từ 10 đến 30 năm

Máy móc thiết bị: Từ 05 đến 08 năm

Phương tiện vận tải: Từ 06 đến 10 năm



Thiết bị quản lý: Từ 03 đến 05 năm

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ vô hình như sau:

Phần mềm tài chính kế toán: 05 năm

Hệ thống quản lý chất lượng ISO: 05 năm

Quyền sử dụng đất: Không trích khấu hao

Mức lương bình quân: 4.700.000 đồng/người/tháng

Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Tổng Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

Các khoản phải nộp theo luật định

Tổng Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế theo luật thuế quy định và cũng được các cục thuế địa phương hoàn thuế kịp thời.

Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Bảng 14: Bảng kê trích lập các quỹ năm 2009

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG TRÍCH LẬP	PHƯƠNG PHÁP TÍNH	SỐ TIỀN
1	Quỹ đầu tư phát triển		0
2	Quỹ dự phòng tài chính	Trích 5% lợi nhuận năm 2009	4.046.280.538
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Trích 5% lợi nhuận năm 2009	8.092.561.076
4	Thanh toán cổ tức		20%

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt nam

Tổng dư nợ vay:

Bảng 15: Vay và nợ ngắn hạn tại Công ty mẹ



STT	Ngân hàng	31/12/2008	31/12/2009	Quý I/2010
Đơn vị tính: VNĐ				
1	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đà Nẵng	30.238.753.600	-	-
2	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân	127.083.176.206	46.185.767.692	42.119.612.739
3	Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng	127.283.627.397	17.999.264.296	5.910.612.687
4	Ngân hàng CPTM Công thương Liên Chiểu	-	12.154.712.687	15.382.265.087
5	Ngân hàng Việt Nam Thương Tín Đà Nẵng	-	6.000.000.000	-
6	Ngân hàng TMCP An Bình	-	417.939.621	3.128.798.917
Tổng cộng		284.605.557.203	82.757.684.296	66.541.289.430

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008, 2009 và BCTC Quý I/2010 của Vneco

Tại các công ty con, tình hình nợ vay cũng có xu hướng giảm trong năm 2009, với tổng số nợ vay là 62,7 tỷ đồng, trong đó Công ty cổ phần và đầu tư xây dựng điện MECA Vneco có khoản vay ngắn hạn cao nhất ở mức 35 tỷ đồng và Công ty Cổ phần du lịch xanh Nghệ An chỉ vay ở mức 353 triệu đồng.

Bảng 16: Vay và nợ dài hạn của Công ty mẹ

STT	Ngân hàng	31/12/2008	31/12/2009	Quý I/2010
Đơn vị tính: VNĐ				
1	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đà Nẵng	73.377.478.388	71.177.478.388	63.177.478.388
2	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân	115.773.782.661	24.350.000.000	23.950.000.000



3	Ngân hàng Công thương Liên chiểu	18.191.409.172	5.221.798.571	4.910.298.571
4	Ngân hàng Ngoại Thương Đà Nẵng	16.211.272.967	57.214.872.967	55.302.382.720
5	Ngân hàng TMCP Hàng hải Đà Nẵng	447.239.708	202.600.000.000	202.600.000.000
6	Ngân hàng Công Thương Huế	2.350.039.383	2.350.039.383	2.350.039.383
7	Ngân hàng TMCP Quân đội Đà Nẵng	655.711.410	285.711.410	211.711.410
8	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Hòa Khánh	210.000.000.000	0	0
Tổng cộng		437.006.933.689	363.199.900.719	352.501.910.472

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2008, 2009 và BCTC Quý I/2010 của Vneco

Tại các Công ty con, các khoản vay dài hạn cũng giảm trong năm 2009 với tổng mức vay dài hạn của 6 công ty con ở mức 13,4 tỷ đồng, trong đó công ty đầu tư và xây dựng điện MECA Vneco không có khoản vay dài hạn nào trong năm 2009. Các công ty khác có khoản vay trong khoảng dao động từ 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng, công ty có mức vay nhiều nhất là công ty xây dựng điện Vneco 8.

Các khoản phải thu

Bảng 17: Các khoản phải thu của Tổng Công ty

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	Quý I – 2010
Đơn vị tính: VND			
Phải thu từ khách hàng	90.055.181.926	140.966.655.842	126.345.075.000
Trả trước cho người bán	679.122.695.938	458.317.152.524	468.277.706.354
Phải thu nội bộ	551,068,216	1.372.385.027	0
Phải thu khác	81,896,704,975	372.019.850.185	384.007.527.303
Dự phòng phải thu khó đòi	(224.245.157)	(876.285.975)	(867.285.975)
Tổng	851.401.405.898	971.799.757.603	977.754.022.682

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2008, 2009 và BCTC quý I/2010 của Vneco

Các khoản phải trả:



Bảng 18: Các khoản phải trả của Tổng công ty

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	Quý I – 2010
			Đơn vị tính: VNĐ
Phải trả người bán	91.094.811.565	112.188.881.856	61.665.948.436
Người mua trả tiền trước	69.178.223.294	91.576.233.994	72.529.260.312
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	2.814.496.029	40.477.475.255	9.013.348.658
Phải trả công nhân viên	12.309.156.902	15.777.786.898	10.684.760.882
Chi phí phải trả	93.596.045.302	130.828.541.162	132.295.861.767
Các khoản phải trả khác	44.070.724.366	61.760.899.067	102.602.778.940
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.952.475.227	11.067.648.237	11.067.648.237
Tổng	315.015.932.685	463.677.466.469	399.859.607.232

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2008, 2009 và BCTC quý I/2010 của Vneco

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính của Tổng Công ty thời kỳ 2008-quý I/2010

CHỈ TIÊU	2008	2009	QUÝ 1/2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn) (lần)	1,60	1,98	2.14
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn) (lần)	1,37	1,75	1.93
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,81	0,76	0.53
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	5,30	3,72	2.45
- Nợ ngắn hạn/ Tổng nợ(lần)	0,41	0,41	0.13
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho= Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân (lần)	1,99	2,91	0.52
- Vòng quay khoản phải thu= Doanh thu thuần/các khoản phải thu bình quân (lần)	0,43	0,56	0.07
- Vòng quay khoản phải trả= Giá vốn hàng bán/các khoản phải trả bình quân (lần)	3,48	4,35	0.14



- Vòng quay tổng TS=doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân (lần)	0,18	0,26	0.04
---	------	------	------

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0,71	17,22	8.86
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	0,13	4,47	0.32
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	(9,07)	(5,51)	8.91
- ROA (%)	0,13	4,47	0.32
- ROE (%)	0,84	21,92	1.47

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2008, 2009 và BCTC Quý I/2010 của Vneco

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính chủ yếu trong năm 2009 của Tổng Công ty có xu hướng tăng cao hơn so với năm 2008, đem lại những tín hiệu phát triển hiệu quả đặc biệt là khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh. Khả năng thanh toán của Tổng Công ty là rất tốt với hệ số thanh toán nhanh và ngắn hạn xấp xỉ 2 lần. Việc đảm bảo khả năng thanh toán tốt sẽ giúp Công ty tránh khỏi những rủi ro thanh khoản có thể xảy ra. Tuy nhiên, Công ty cũng cần đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lượng tiền mặt tại quỹ để tránh việc duy trì lượng tiền mặt quá cao. Năng lực hoạt động của Tổng Công ty trong năm 2009 là khá tốt với tốc độ gia tăng của vòng quay hàng tồn kho, vòng quay các khoản phải thu và vòng quay tài sản với tỷ lệ tăng trưởng so với năm 2008 tương ứng là 46%, 30% và 44%. Điều này cho thấy hiệu quả trong kinh doanh của Tổng Công ty là rất tốt, việc sản xuất kinh doanh và bán hàng là tương đối hợp lý, khối lượng hàng tồn kho và không lớn và khả năng thu hồi vốn từ phía khách hàng là rất hiệu quả, giảm thiểu khả năng bị chiếm dụng vốn, một trong những rủi ro tiềm ẩn của Tổng Công ty. Từ những chính sách quản lý và đầu tư hiệu quả cùng với sự thuận lợi từ phía thị trường, mức sinh lời của Tổng Công ty được đánh giá là một thành công trong điều kiện nền kinh tế trong nước và thế giới vẫn còn nhiều biến động bất thường. Hệ số sinh lời trên tổng tài sản và trên vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty tăng gấp khoảng 34 lần và 26 lần, đạt 4,47% và 21,92% trong năm 2009.

Xét về cơ cấu vốn, trong năm 2009, Tổng Công ty đã duy trì một cơ cấu vốn hợp lý với tình hình cụ thể tại Tổng Công ty và thị trường. Tổng mức nợ vay trên tổng tài sản giảm xuống còn 76%, trong đó tỷ trọng vốn nợ vay ngắn hạn là không thay đổi, phần vốn vay dài hạn được giảm thiểu.

Kết thúc quý I/2010, các chỉ số tài chính của Tổng Công ty đạt được là tương đối khả quan. Khả năng thanh toán tốt, các hệ lợi nhuận và doanh thu thể hiện từng bước tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng doanh thu tăng khoảng 45% so với cùng kì năm 2009 và lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty đạt mức tăng trưởng dương so với cùng kì năm trước, đạt xấp xỉ 6 tỷ đồng.



13. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1 Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Ông Đoàn Đức Hồng

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 10/6/1963
Nơi sinh: Nghĩa Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
CMND số: 201498143, ngày cấp 03/2/2009, cơ quan cấp: CA Đà Nẵng
Quê quán: Vinh Hải, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú: Số 26, đường Trần Tổng, Thành phố Đà Nẵng
Số ĐT cơ quan: 0511 562361
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế công nghiệp; Cao cấp chính trị.

Quá trình công tác:

Thời kỳ	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
3/1986 - 3/1988	Cán bộ phòng Kế hoạch Công ty Xây lắp đường dây và Trạm III- Bộ Năng lượng;
4/1988 - 12/1990	Cán bộ dự toán Phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3
1/1991 - 2/1998	Phó phòng, Trưởng phòng Kinh tế Dự toán Cty Xây lắp điện 3
3/1998 - 6/1998	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3
7/1998 - 3/1999	Phó Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
4/1999 - 9/2002	Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
10/2002 - 1/2005	Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước)- Bộ Công nghiệp
12/2005 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị



Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân (tại thời điểm 26/5/2010):	500.000 CP
Số cổ phần đại diện cho nhà nước:	9.450.000 CP
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:	
+ Hoàng Thị Lạc: Mẹ ruột:	300.000 CP
+ Trần Thị Uyên: Vợ:	200.600 CP
+ Đoàn Thị Đào: Chị ruột:	10.000 CP
+ Đoàn Thị Lê: Em ruột:	15.000 CP
Các khoản nợ đối với Công ty:	không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	không

2. Ông Nguyễn Trọng Bình

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/5/1955
Nơi sinh:	Quảng Hòa, Quảng Trạch, Quảng Bình
Quốc tịch:	Việt Nam.
Dân tộc:	Kinh
CMND:	191072026, ngày cấp 20/5/1985, nơi cấp: CA Bình Trị Thiên
Quê quán:	Quảng Hòa, Quảng Trạch, Quảng Bình
Địa chỉ thường trú:	106 Hàm Nghi, Thành phố Đà Nẵng
Số ĐT cơ quan:	0511 562361
Trình độ văn hoá:	10/10.
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy; Cao cấp chính trị.
Quá trình công tác	

Thời kỳ	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
5/1975- 7/1977	Đi bộ đội
9/1978-9/1983	Sinh viên Đại học Bách khoa Đà Nẵng
10/1983-12/1984	Cán bộ kỹ thuật Công ty Xây lắp đường dây và trạm III
01/1985- 4/1988	Phó phòng, Trưởng phòng Vật tư Công ty Xây lắp đường dây và



	trạm III
5/1988- 7/1994	Phó Giám đốc Xí nghiệp sản xuất vật liệu và Xây dựng điện Đông Hà
8/1994 - 11/1998	Giám đốc Xí nghiệp sản xuất vật liệu và Xây dựng điện Đông Hà
12/1998- 9/2002	Phó Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
10/2002- 11/2005	Phó Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước)- Bộ Công nghiệp
12/2005 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 26/5/2010): 82.400 CP

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:

+ Nguyễn Trọng Hùng (Con ruột) 30.260 CP

Các khoản nợ đối với Công ty: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

3. Ông Nguyễn Thành Đồng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1950

Nơi sinh: Phúc Thọ, Nghi Lộc, Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh

CMND: 201340924, ngày: 12/5/1995, nơi cấp: CA Quảng Nam Đà Nẵng

Quê quán: Phúc Thọ, Nghi Lộc, Nghệ An

Địa chỉ thường trú: 96 Thanh Thủy, Thành phố Đà Nẵng

Số ĐT cơ quan: 0511 562361

Trình độ văn hoá: 10/10.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế lao động; Cao cấp chính trị.

Quá trình công tác



Thời kỳ	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
5/1968- 5/1971	Học nghề ở Liên Xô
6/1971-12/1971	Công nhân Nhà máy điện Yên Phụ- Hà Nội
01/1972-12/1979	Công tác tại Nhà máy điện Ninh Bình- Hà Nam Ninh
01/1980- 7/1986	Học tại trường Đại học Công đoàn Matxcova, Liên Xô
8/1986- 4/1988	Chuyên trách công đoàn Cty Xây lắp đường dây và trạm V
5/1988 - 12/1989	Phó thư ký Công đoàn Công ty Xây lắp điện 3
01/1990 - 3/1999	Chủ tịch Công đoàn Công ty Xây lắp điện 3
04/1999- 9/2002	Phó Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
10/2002- 11/2005	Phó Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước)- Bộ Công nghiệp
12/2005 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:	Ủy viên HĐQT
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:	Không.
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân (tại thời điểm 26/5/2010):	123.400 CP
Số cổ phần đại diện cho nhà nước:	không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:	
+ Nguyễn Thị Hương: Con ruột:	11.000 CP
Các khoản nợ đối với Công ty:	không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	không

4. Ông Phan Anh Quang

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	04/9/1974
Nơi sinh:	Thanh Long, Thanh Chương, Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam.
Dân tộc:	Kinh

CMND: 201547236, ngày 07/10/2004, nơi cấp: CA Đà Nẵng



Quê quán: Thanh Long, Thanh Chương, Nghệ An
Địa chỉ thường trú: Hòa Minh, Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
Số ĐT cơ quan: 0511 562362
Trình độ văn hoá: 10/10.
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán

Quá trình công tác

Thời kỳ	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
3/1997 - 10/2002	Cán bộ Phòng Tài chính kế toán, Công ty Xây lắp điện 3
11/2002 - 11/2005	Phó phòng Tài chính kế toán, Công ty Xây lắp điện 3
12/2005 - 8/2006	Phó phòng Tài chính kế toán, Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
9/2006 đến nay	Trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân (tại thời điểm 26/5/2010): 80.000 CP
Số cổ phần đại diện cho nhà nước: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: không
Các khoản nợ đối với Công ty: không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

5. Ông Nguyễn Đậu Thảo

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 24/4/1958
Nơi sinh: Đà Sơn, Đô Lương, Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam.
Dân tộc: Kinh



CMND: 010410973, ngày cấp 17/10/1978, nơi cấp: CA Hà Nội
Quê quán: Nghệ An
Địa chỉ thường trú: Phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An
Số ĐT cơ quan: 0383 840941
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng điện; Cao cấp chính trị.

Quá trình công tác

Thời kỳ	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1/1983- 3/1990	Cán bộ phòng Kế hoạch Công ty Xây lắp điện Nghệ Tĩnh
4/1990 - 9/1994	Trưởng phòng Kế hoạch Xí nghiệp Xây dựng điện và Vật tư, Công ty Xây lắp điện 3
10/1994 - 10/1997	Phó Giám đốc XN XD điện và Vật tư, Cty Xây lắp điện 3
11/1997 - 5/2003	Giám đốc XN XD điện và Vật tư, Công ty Xây lắp điện 3
6/2003 - 10/2004	Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3.2, Công ty Xây lắp điện 3
11/2004 đến nay	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Cty CP Xây dựng điện VNECO 2

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân (tại thời điểm 26/5/2010): 250.000 CP
Số cổ phần đại diện cho nhà nước: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

6. Ông Phan Tất Trung

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 01/5/1954
Nơi sinh: Hoa Thành, Yên Thành, Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam.
Dân tộc: Kinh



CMND: 201587347 ngày cấp 07/11/2006, nơi cấp: CA Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú: Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng
Điện thoại liên lạc: 0511 3764105
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị

Quá trình công tác

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
5/1972 - 5/1976	Đi bộ đội
6/1976 - 6/1979	Học nghề ở Liên Xô (cũ)
7/1979 - 12/1983	Bí thư Đoàn Công ty Xây lắp đường dây và Trạm V
01/1984 - 01/1988	Chánh văn phòng Đảng ủy Công ty Xây lắp đường dây và trạm V
02/1988 - 7/1995	Chánh văn phòng Đảng ủy Công ty Xây lắp điện 3
8/1995 - 11/2005	Trưởng phòng Tổ chức Lao động và Thanh tra Công ty Xây lắp điện 3
12/2005 đến nay	Trưởng phòng Tổ chức Nhân sự và Đào tạo Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân (tại thời điểm 26/5/2010): 21.000 CP, chiếm 0,065 % vốn điều lệ;
 - + Số cổ phần đại diện theo ủy quyền
 - + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

7. Ông Thái Văn Chấn

Giới tính: Nam
Sinh ngày: 11 tháng 11 năm 1961
Nơi sinh: làng Ngọc Lâm- xã Đức lâm- huyện Đức Thọ- tỉnh Hà Tĩnh
Quốc tịch: Việt Nam



Dân tộc: Kinh

CMND số: 186305388 cấp ngày 10/06/2003 tại Công an Nghệ An;

Quê quán: làng Ngọc Lâm- xã Đức Lâm- huyện Đức Thọ- tỉnh Hà Tĩnh

Hộ khẩu thường trú: Phường Hưng Bình- thành phố Vinh- Nghệ An.

Địa chỉ thường trú: Lô 4- BT4- KĐT Đông Bắc Ga, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại liên lạc cơ quan: 037 3713676 di động: 0168 7893333

Trình độ văn hóa: Đại học chuyên nghiệp

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện- ngành Hệ thống điện

Trình độ lý luận: Cao cấp lý luận chính trị,

Quá trình công tác:

Tháng 11/1985- 04/1988	Cán bộ kỹ thuật xây lắp điện- Công ty xây lắp đường dây và trạm 5
Tháng 05/1988- 05/1995	Cán bộ kỹ thuật xây lắp điện- Công ty xây lắp điện 3
Tháng 06/1995- 04/1999	Phó Giám đốc Xi nghiệp Bê tông li tâm và xây dựng điện Quy Nhơn- Công ty xây lắp điện 3
Tháng 05/1999- 10/2005	Giám đốc Công ty xây lắp điện 3.10- Công ty xây lắp điện 3.
Tháng 10/2005- 03/2007	Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 10- Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam
Tháng 04/2007- 05/2010	Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Hội Xuân VNECO: Chuyên trách quản lý đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Hội Xuân, tỉnh Thanh Hóa và chuẩn bị sản xuất kinh doanh

Chức vụ công tác hiện nay:

- Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Hội Xuân VNECO;
- Thành viên HĐQT Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Quyền lợi mâu thuẫn với VNECO: không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Số lượng cổ phiếu sở hữu/đại diện tại VNECO:

+ Số lượng cổ phiếu sở hữu (tại thời điểm 26/5/2010): 109.000cp; tỷ lệ 0,34% so với vốn điều lệ;



+ Số lượng cổ phiếu đại diện: Không.

13.2 Thành viên Ban Kiểm soát

1. Ông Đào Hữu Chuộng

Tên thường gọi:	Không				
Ngày sinh:	02 tháng 02 năm 1964				
Dân tộc:	Kinh	Tôn giáo: Không			
Quốc tịch:	Việt nam				
Số CMND:	194378481	cấp ngày	23/11/2005	tại Công an:	Quảng Bình
Quê quán:	Tuy Lộc - Lộc Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình				
Trú quán:	Đại Trạch Bồ Trạch Quảng Bình				
Thành phần gia đình:	Bản nông				
Trình độ văn hóa:	10/10				
Trình độ chính trị:	Cao cấp lý luận chính trị				
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế				
Trình độ tin học:	Bằng A				
Trình độ ngoại ngữ:	Bằng B Anh văn				
Quá trình công tác					
Thời kỳ	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác				
11/ 1987 - 10/ 1995	Kế toán trưởng Đội xây lắp điện 12 Công ty xây lắp điện 3				
11/ 1995 - 5/1998	Phó phòng tài chính kế toán Xí nghiệp Bê tông Quy Nhơn Công ty xây lắp điện 3				
6/1998 - 2/ 1999	Kế toán trưởng Trạm bảo dưỡng xe máy Công ty xây lắp điện 3				
3/1999 - 3/2001	Phó phòng tài chính kế toán Xí nghiệp sản xuất vật liệu Đông Hà Công ty xây lắp điện 3				
4/2001 - 10/2003	Kế toán trưởng Công ty cổ phần xây lắp điện 3.7				
11/2003 - 4/2004	Phó giám đốc Công ty cổ phần xây lắp điện 3.7				
5/2004 đến nay	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 12				

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 12;
Trưởng ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam

Số cổ phần nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân (tại thời điểm 26/5/2010): 32.000 cổ phần chiếm 0,1% vốn điều lệ



- + Số cổ phần đại diện theo ủy quyền: không
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2. Ông Lê Thanh Nhã

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1961

Nơi sinh: Vinh Thanh, Phú Vang, Thừa Thiên Huế

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh

CMND: 190114143, ngày cấp 09/8/1978, nơi cấp: CA Bình Trị Thiên

Quê quán: Vinh Thanh, Phú Vang, Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: Tổ 51, Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng

Số ĐT cơ quan: 0511 562362

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh; Cao cấp chính trị.

Quá trình công tác

Thời kỳ	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
7/1978 - 12/1979	Công nhân Xí nghiệp xây dựng điện 1
01/1980 - 2/1983	Nhân viên Phòng lao động tiền lương Xí nghiệp XD điện 1
3/1983 - 5/1984	Đi bộ đội
6/1984 - 7/1988	Nhân viên Phòng lao động tiền lương Công ty Xây lắp đường dây và trạm III
8/1988 - 11/1990	Đi lao động tại Cộng Hòa dân chủ Đức
12/1990 - 7/1995	Nhân viên Phòng lao động tiền lương Công ty Xây lắp điện 3
8/1995 - 3/2004	Nhân viên phòng Tổ chức lao động Thanh tra, Công ty Xây lắp điện



3

4/2004 - 10/2005 Phó phòng Tổ chức Nhân sự và Đào tạo, Cty Xây lắp điện 3

11/2005 đến nay Phó phòng Tổ chức Nhân sự và Đào tạo Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Phó phòng TCNS và đào tạo VNECO, Thành viên Ban kiểm soát.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 9.260 CP

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:

+ Nguyễn Thị Lan: Vợ: 0 CP

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3. Bà Thái Thị Thùy Trang

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 13/6/1981

Nơi sinh: Hà Nội

CMND: 012.015.067 Ngày cấp 22/02/1997 Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đô Lương - Nghệ An

Địa chỉ thường trú: A17 - Tổ 111 - Khu Hoàng Cầu - Quận Đống Đa - HN

Điện thoại liên lạc: 0979.82.82.00

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

Từ tháng năm Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
đến tháng năm

1/1/2004 – 31/7/2008 Công tác tại Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính



1/8/2008 - nay

Công tác tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

- Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên Ban tài chính SCIC, Thành viên Ban kiểm soát VNECO
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 26/5/2010): Không có
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ;
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty: Không

13.3 Thành viên Ban Giám đốc

- Ông **Đoàn Đức Hồng** - Tổng Giám đốc (Xem danh sách thành viên HĐQT)
- Ông **Nguyễn Trọng Bình** - Phó Tổng Giám đốc (Xem danh sách thành viên HĐQT)
- Ông **Nguyễn Thành Đồng** - Phó Tổng Giám đốc (Xem danh sách thành viên HĐQT)
- Ông **Trần Văn Huy** - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1965

CMND: 201430374, ngày cấp: 09/9/1996, nơi cấp: CA Quảng Nam Đà Nẵng

Nơi sinh: Ân Phú, Đức Thọ, Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Ân Phú, Đức Thọ, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: phường Hòa Thuận Tây, Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số ĐT cơ quan: 0511 562361

Trình độ văn hoá: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế; Cao cấp chính trị.

Quá trình công tác



Thời kỳ	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
7/1987 - 2/1988	Cán bộ giảng dạy khoa kinh tế - Đại học Huế
3/1988 - 10/1994	Cán bộ kinh tế dự toán, Phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
11/1994- 11/1995	Phó phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
12/1995 - 8/1999	Phó chánh Văn phòng, Chánh văn phòng Công ty Xây lắp điện 3
9/1999 - 9/2002	Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3
10/2002 - 11/2005	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước- Bộ Công nghiệp)
12/2005 - 12/2006	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
01/2007 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân (tại thời điểm 26/5/2010): 50.000 CP

Số cổ phần đại diện cho nhà nước: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Ngô Văn Cường - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 30/05/1974

Nơi sinh: Tân Dĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh

CMND: 201556492 ngày cấp 07/4/2005, nơi cấp: CA Đà Nẵng



Quê quán: Tân Dĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang
Địa chỉ thường trú: Tổ 50, P. An Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Trình độ văn hoá: 12/12.
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Hệ thống điện.

Quá trình công tác

Từ 8/1997- 6/1999: Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
Từ 7/1999- 11/2002: Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
Từ 12/2002- 11/2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
Từ 12/2005-9/2009: Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.
Từ 10/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 0 CP
Số cổ phần đại diện cho nhà nước: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Tịnh - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 08/05/1974
Nơi sinh: Lộc Điền, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
Quốc tịch: Việt Nam.
Dân tộc: Kinh
CMND: 201604038 ngày cấp 24/4/2007, nơi cấp: CA Đà Nẵng
Quê quán: Lộc Điền, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú: 14 Nguyễn Gia Thiều, Thạc Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng
Trình độ văn hoá: 12/12.



Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.

Quá trình công tác:

Thời kỳ	Chức danh, nhiệm vụ
8/1997- 10/2002	Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
11/2002- 10/2003	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
11/2003- 3/2004	Phó ban Quản lý các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
4/2004- 11/2005	Trưởng ban QL các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
12/2005-9/2009	Trưởng ban QL các dự án đầu tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
10/2009 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân (tại thời điểm 26/5/2010): 51.000 CP

Số cổ phần đại diện cho nhà nước: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

14. Tài sản

Bảng 20: Một số tài sản chính của Tổng Công ty tại thời điểm 31/03/2010

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
	VND	VND
I Tài sản hữu hình	306.521	217.736
1 Nhà cửa, vật kiến trúc	223.084	195.559
2 Máy móc thiết bị	35.423	89
3 Phương tiện vận tải, truyền dẫn	37.916	15.378
4 Tài sản cố định hữu hình khác	10.098	6.709



II Tài sản vô hình	93.960	93.416
1 Quyền sử dụng đất	93.341	93.341
2 Vô hình khác	620	75
Tổng cộng	400.481	311.152

Nguồn: Tổng Công ty xây dựng điện Việt nam

Tình hình sử dụng đất đai, của Tổng Công ty tại thời điểm 31/3/2010

Tại Tổng Công ty: Tính đến thời điểm hiện nay, tổng diện tích đất của Tổng Công ty là 40.834 m² đất nhận quyền sử dụng lâu dài; đất thuê làm dự án đến 50 năm là 69.658,8 m² và đất đầu tư đổi hạ tầng để kinh doanh là 435.335 m².

Bảng 21 : Tình hình đất đai của Tổng Công ty tại thời điểm 31/03/2010

TT	Địa chỉ	Diện tích	Năm bắt đầu	Thời gian	Loại hình
2	Đất XD khu dân cư tại Hoà Khánh, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	24.740,0	2006	Lâu dài	Nhận quyền sử dụng
4	Đường Nguyễn Chánh P.Hoà Khánh-Q.Liên Chiểu-TP. Đà Nẵng	100,0	2006	Lâu dài	Nhận quyền sử dụng
3	Số 66 Hoàng Văn Thái, Q.Liên Chiểu - TP. Đà Nẵng (quyền sử dụng lâu dài)	13.302,0	1988	Lâu dài	Nhận quyền sử dụng
4	Văn phòng Tổng Công ty 234 Nguyễn Văn Linh	582,0	2009	Lâu dài	Nhận quyền sử dụng
5	Đất Dự án Khu lịch Xanh Lăng Cô - Huyện Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	69.658,8		Thuê 50 năm	Thuê lâu dài
6	Đất Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thuận - Huyện Phú Vang - Tỉnh TT Huế	435.335,0		Đất đổi hạ tầng	Tổng công ty đầu tư xây dựng mới cơ sở hạ tầng để khai thác quỹ đất. Sau khi hoàn thành, Tổng công ty được giao lại 90% quỹ



đất ở lâu dài để kinh doanh nhằm thu hồi vốn và lợi nhuận.

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam

Tại các Công ty con và Công ty liên kết:

Tổng diện tích đất nhận quyền sử dụng, đất dự án và thuê lâu dài: 746.630,3 m²

Trong đó:

+ Diện tích đất nhận quyền sử dụng lâu dài:	8.056,6 m ²
+ Diện tích đất đang thực hiện dự án:	498.735,7 m ²
+ Diện tích đất thuê có thời hạn đến 50 năm:	236.118,0 m ²

TT	Loại đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Vốn góp Vneco
Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 2				31,45%
1	Đất nhận quyền sử dụng đất lâu dài	Thị xã Cửa Lò – Tỉnh Nghệ An	1.800,0	
2	Đất thuê 50 năm	13 Đường Mai Hắc Đế – Thành Phố Vinh – Tỉnh Nghệ An	9.573,0	
Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 3				52,93%
1	Đất thuê 50 năm	Phường Trung Đô - Tỉnh Nghệ An	17.748,3	
Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 4				47,91%
1	Đất thuê 50 năm	Phường Đông Vinh – Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An	12.267,0	
Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 5				30,00%
1	Đất thuê 50 năm	205 Lê Duẩn, Thị xã Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị	8.610,0	



Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 6		37,74%
1	Đất nhận quyền sử dụng lâu dài P. Hoà Khánh Bắc – Q.Liên Chiểu – Thành phố Đà Nẵng	526,0
2	Đất thuê 50 năm Đường số 9, Khu công nghiệp Hoà Khánh - Thành phố Đà Nẵng	21.752,0
Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 7		31,16%
2	Đất thuê 50 năm Khu công nghiệp Trà Đa, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	22.000,0
2	64 Hoàng Văn Thái - Q.Liên Chiểu - TP. Đà Nẵng	4.482,0
Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8		46,40%
1	Đất nhận quyền sử dụng lâu dài Số 10 Đào Duy Từ – Thành phố Buôn Mê Thuột – Tỉnh Đắk Lắk	708,3
2	Đất thuê 50 năm Khu công nghiệp Tâm Thắng – Tỉnh Đắk Nông	16.950,0
	P. Khánh Xuân – Tỉnh Đắk Lắk	2.479,0
Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 10		30,05%
1	Đất thuê 45 năm P. Trần Quang Diệu – TP. Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định	28.616,0
Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 11		47,66%
1	Đất nhận quyền sử dụng lâu dài 348 Hoàng Diệu, TP Đà Nẵng	254,0
2	Đất thuê 50 năm Số 491, Đường Nguyễn Lương Bằng, Đà Nẵng	4.742,0
	Số 4 Đường Tiểu La, TP. Đà Nẵng	1.146,0



Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 12		65,73%
1	Đất thuê lâu dài 50 năm	Khu công nghiệp Bắc Lý - Tỉnh Quảng Bình 18.388,0
1	Đất thuê lâu dài 50 năm	155 Lý Thường Kiệt, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình 650,0
Công ty cổ phần kết cấu thép và mạ kẽm MÊCA VNECO		70,05%
1	Đất nhận quyền sử dụng lâu dài	Khách Sạn Xanh Sài Gòn, 740 C, Nguyễn Kiệm, P4, Q.Phú Nhuận, HCM 318,4
2	Đất nhận quyền sử dụng lâu dài	Khách Sạn Xanh MêCa Vneco, R71-R72 Bùi Bằng Đoàn – Phú Mỹ Hưng, Q7, HCM 330,0
3	Đất nhận quyền sử dụng lâu dài	Đất xây dựng khu dự án căn hộ cao cấp VNECO-Bến Bình Đông, 277 Bến Bình Đông, P14, Q8, HCM 5.465,4
Công ty cổ phần du lịch Xanh Nghệ An		63,50%
1	Đất thuê 20 năm	Số 2, Mai Hắc Đế, Phường Hà Huy Tập - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An 5.339,0
Công ty cổ phần du lịch Xanh Huế VNECO		79,11%
1	Đất nhận quyền sử dụng lâu dài	Số 02 Lê Lợi - Thành phố Huế 188,3
2	Đất thuê 50 năm	Số 02 Lê Lợi - Thành phố Huế 10.511,0
		Số 1b, Nguyễn Thị Minh Khai - TP. Huế 750,0
		KDL Bạch Mã - Huyện Phú Lộc Tỉnh Thừa Thiên Huế 2.500,0
Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng VNECO		60,85%



C	Đất nhận quyền sử dụng lâu dài	249 Nguyễn Tất Thành, Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng	125,0
2	Đất thuê 50 năm	Khu công nghiệp Hoà Khánh - thành phố Đà Nẵng	3.706,0
Công ty cổ phần đầu tư và Xây dựng Điện Hải Xuân VNECO			70%
	Đất chuyển quyền sử dụng đất (sở hữu lâu dài)	Lô4 BT4 Khu đô thị Đông Bắc Ga – Phường Đông Thọ Tp Thanh Hoá	260,0

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

15.1 Chiến lược chung của Tổng Công ty:

Phát triển Tổng công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành, với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng, sản xuất công nghiệp, đẩy mạnh hoạt động đầu tư với hai hướng trọng tâm là đầu tư kinh doanh nhà máy điện độc lập, kinh doanh bất động sản và phát triển kinh doanh dịch vụ - du lịch. Phấn đấu mức tăng trưởng nhanh và bền vững cho cả tổ hợp Công ty mẹ - con; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; nâng cao mức cổ tức hàng năm cho các cổ đông, giải quyết việc làm, thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc và tăng thu nhập cho người lao động.

Tiếp tục hoàn thiện một số cơ chế quản lý của Tổng công ty phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới nhằm phát huy loại hình Công ty cổ phần trong tập hợp mô hình Công ty mẹ - Công ty con cổ phần. Tiếp tục thực hiện 3 chương trình lớn của Tổng công ty đề ra: Chương trình hiện đại hoá doanh nghiệp, Chương trình nâng cao chất lượng công trình và sản phẩm hàng hoá, dịch vụ; Chương trình thực hiện tiết kiệm và chống lãng phí.

15.2 Phương hướng thực hiện:

Đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu trên cả 3 lĩnh vực: Xây lắp, Sản xuất công nghiệp; Dịch vụ - Du lịch, để tăng doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2007 và những năm tiếp theo, đảm bảo đời sống ổn định cho người lao động. Phát triển thị trường xây lắp điện, sản xuất kết cấu thép mạ kẽm ra các nước trong khu vực, xúc tiến mạnh mẽ kinh doanh du lịch và lữ hành quốc tế; chuẩn bị để bước vào thị trường kinh doanh điện năng.

Tiến hành phát hành thêm cổ phiếu để nâng vốn điều lệ của Tổng công ty nhằm đáp ứng hoạt động



sản xuất kinh doanh, đặc biệt là đáp ứng nhu cầu nguồn vốn để đầu tư các dự án thủy điện, dự án cơ sở hạ tầng... Xúc tiến để đưa cổ phiếu của Tổng Công ty và một số Công ty thành viên lên sàn giao dịch chứng khoán, nhằm tạo kênh huy động vốn chủ yếu cho cả tổ hợp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên; tiếp tục hoàn chỉnh một số quy chế hoạt động trên một số lĩnh vực phù hợp với loại hình Công ty mẹ- Công ty con cổ phần.

Có kế hoạch huy động vốn từ các nguồn vốn đóng góp của các đối tác, của các tổ chức tín dụng để tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư từ các năm trước chuyển sang, bao gồm dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Xây lắp điện 3, Khu du lịch Lăng Cô, dự án đầu tư và xây dựng khu đô thị mới Mỹ Thuận, dự án siêu thị Green Mart tại Đà Nẵng, dự án khu dân cư Vneco; thực hiện triển khai các dự án mới bao gồm xúc tiến đầu tư dự án thủy điện Hồi Xuân, góp vốn vào Công ty cổ phần thủy điện sông Chò tại Nha Trang và góp vốn vào Công ty cổ phần kết cấu thép Thành Long Vineco tại Tp Hồ Chí Minh.

Tiếp tục đầu tư trang thiết bị xe máy, dụng cụ thi công chuyên ngành xây lắp đường dây và trạm, xây dựng công trình thủy điện, cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao tỷ lệ cơ giới hoá trong thi công, xây dựng Tổng công ty trở thành 1 đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp hệ thống lưới điện và phát triển mạnh lĩnh vực xây lắp thủy điện, xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Thực hành tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng nhằm nâng cao hiệu quả SXKD của Tổng công ty; Cử cố khối đoàn kết từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên, nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch 2007 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân của Tổng công ty đạt trên 17%/năm, đạt mức cổ tức bình quân trên 15%/ năm.

Nâng cao khả năng cạnh tranh, phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực hiện có, đồng thời tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài (như liên doanh góp vốn...), sử dụng mọi nguồn vốn cho đầu tư phát triển, đủ sức để cạnh tranh trong bối cảnh nước ta đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại quốc tế (WTO). Nghiên cứu để sớm hình thành Công ty đầu tư và dịch vụ tài chính trong tổ hợp VNECO.

15.3 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong thời kỳ 2011-2013

Bảng 22: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 3 năm tới

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
		% tăng	%



			giảm		tăng giảm
Doanh thu và thu nhập	924,686	1,170,870	26.62	1,364,730	16.56
Giá vốn hàng bán	778,705	948,405	21.79	1,050,842	10.80
Lợi nhuận gộp	145,981	222,465	52.39	313,888	41.10
Chi phí hoạt động	21,595	25,759	19.28	27,022	4.90
Lãi/lỗ trước thuế	124,386	196,706	58.14	286,866	45.83
Thuế thu nhập DN	12,826	49,177	283.41	71,717	45.83
Lợi nhuận sau thuế	111,560	147,530	32.24	215,150	45.83
Tỷ lệ LNST/Doanh thu và thu nhập	12.06	12.60	4.44	15.77	25.12
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu	17.51	20.49	17.04	21.51	5.00
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	637,2108	720,000	12.99	1,000,000	38.89
Thu nhập trên mỗi cp (EPS)	1,754	2,049	16.81	2,151	5.00
Tỷ lệ cổ tức (%)	16	18	12.50	20	11.11

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt nam

15.4 Căn cứ để đạt được kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức nói trên

- *Tốc độ tăng trưởng cao của ngành điện, tạo thị trường rộng lớn cho Tổng Công ty:* Hiện nay ngành điện Việt nam đang trong quá trình phát triển với nhiều dự án thủy, nhiệt điện đã và đang đưa vào khai thác và đang triển khai xây dựng. Theo Quy Hoạch Điện VI, mục tiêu phát triển mạng điện lưới quốc gia đến 2015 là 100% các xã, huyện đều có điện, tổng mức điện sản xuất đạt 257 tỷ Kwh, trong đó điện thương phẩm đạt 223 tỷ Kwh, trung bình 2300kwh/người/năm. Trong năm 2010-2012, theo dự kiến sẽ có 50 nhà máy thủy, nhiệt điện sẽ được đưa vào vận hành. Đây thực sự là một thị trường đầy tiềm năng cho Tổng công ty phát huy lợi thế của mình để chiếm lĩnh thị trường, nâng cao thị phần xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp điện để tăng doanh thu, lợi nhuận.
- *Lợi thế kinh nghiệm và uy tín của một trong những đơn vị hàng đầu về xây lắp điện ở Việt nam:* Thành lập và phát triển từ năm 1988, Tổng Công ty đã thực hiện xây dựng nhiều công trình lưới điện, xây dựng với chất lượng cao như 531km đường dây 500kv bắc – nam, hoàn thành 40km đường dây



50kv Yaly-Pleiku,.... Đây sẽ là cơ sở vững chắc cho Tổng Công ty có thể thành công trong hợp tác, ký kết các dự án xây lắp mới với các khách hàng lớn. Trong năm 2010, Tổng Công ty đang thực hiện 11 công trình lưới điện chuyển tiếp từ năm trước với tổng mức doanh thu dự kiến là 229 tỷ đồng và 6 công trình mới bao gồm cả thủy điện và bất động sản với tổng mức doanh thu dự kiến là 631 tỷ đồng.

- *Thực hiện mở rộng hoạt động kinh doanh sang nhiều lĩnh vực, ngành nghề và mở rộng sản phẩm sản xuất:* Hiện nay Tổng Công ty đã hoàn thành đầu tư việc xây dựng nhà máy sản xuất gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu cột thép tại thành phố Hồ Chí Minh với công suất 15.000tấn/năm và nhà máy sản xuất gạch Block tại hai công ty con của Tổng Công ty. Với việc đa dạng hóa các chủng loại hàng hóa, Tổng Công ty hướng đến mục tiêu mở rộng thị trường và nâng cao doanh thu lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Không dừng lại ở hoạt động sản xuất, Tổng Công ty đã và đang thực hiện một số dự án lớn về kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, siêu thị và gia nhập thị trường kinh doanh bất động sản với việc tham gia các dự án xây dựng cơ bản, khu đô thị, khu công nghiệp,... Đây sẽ là nguồn lợi nhuận ổn định bổ sung cho Tổng Công ty.
- *Thực hiện đầu tư 3 dự án lớn trong giai đoạn 2010-2015* bao gồm dự án thủy điện Hồi Xuân, dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng và thực hiện góp vốn vào công ty cổ phần đầu tư và xây dựng meca Vneco (VES) cho dự án căn hộ cao cấp Vneco Plaza tại thành phố Hồ Chí Minh. Đây là các dự án mà Tổng Công ty tham gia với góp vốn hoặc chủ đầu tư. Với sự nhanh nhạy trong nắm bắt tình hình thực tế của thị trường, Tổng Công ty đã thực hiện tham gia đầu tư vào những lĩnh vực là thế mạnh của Tổng Công ty đồng thời là lĩnh vực kinh doanh đầy tiềm năng, khả năng thu lợi nhuận cao. Theo nhu ước tính của Ban QL dự án Tổng Công ty, dòng tiền từ ba dự án này là rất tiềm năng.

Dòng lợi nhuận từ dự án	2010	2011	2012
- Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và XD điện Hồi Xuân VNECO án Nhà máy Thủy điện Hồi Xuân 102MW tại tỉnh Thanh Hóa	13.398	33.905	47.022
- Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng tại tỉnh TT Huế	31.836	52.991	58.199
- Góp vốn vào VES để thực hiện dự án căn hộ cao cấp tại 277 Bến Bình Đông, Quận 8, TP Hồ Chí Minh	8.820	15.457	17.819

Đơn vị: Triệu đồng – Nguồn : VNE

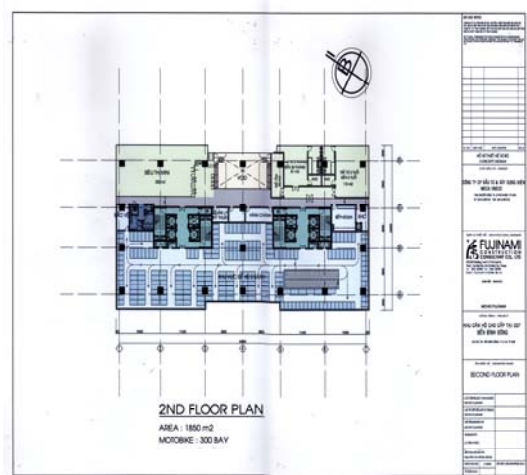
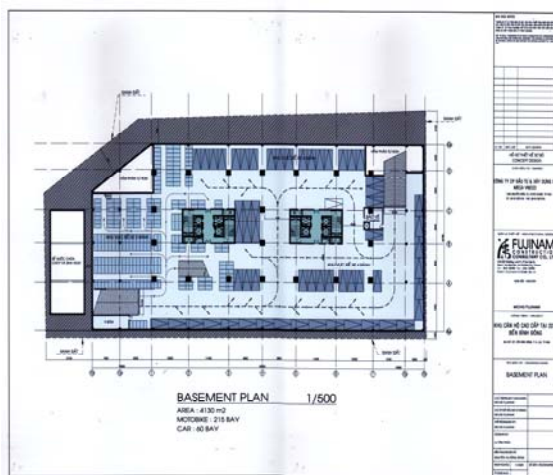
* Phối cảnh Dự án Nhà máy Thủy điện Hồi Xuân 102MW tại tỉnh Thanh Hóa mà VNECO đầu tư vốn vào con là Công ty CP Đầu tư và XD điện Hồi Xuân VNECO để thực hiện.



* Phối cảnh Dự án Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng tại tỉnh TT Huế.



* Phối cảnh Dự án khu căn hộ cao cấp tại 277 Bến Bình Đông, Quận 8, TP Hồ Chí Minh mà VNECO đầu tư vốn vào con là Công ty CP Đầu tư và XD điện MÊCA VNECO để thực hiện.



Bảng 23: Kế hoạch vốn thực hiện đầu tư của Tổng Công ty năm 2010

TT	Danh mục đầu tư	ĐVT	Vốn đầu tư (VNĐ)	Tình hình thực hiện
1	Phương tiện vận tải	triệu đồng	5.500	Đầu tư mới
2	Máy móc, thiết bị chuyên ngành	triệu đồng	5.000	Đầu tư mới
3	Xây dựng cơ bản các dự án	triệu đồng	30.000	Đầu tư theo tiến độ thực hiện dự án



Tổng cộng**40.500**

Nguồn: Tổng Công ty CP XD điện Việt Nam

- *Hiệu quả trong quản lý chi phí:* Tổng Công ty thực hành tốt chính sách tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; tổ chức hợp lý công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý; cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động; áp dụng các tiến bộ mới về khoa học kỹ thuật trong sản xuất; đa dạng hoá sản phẩm và mở rộng thị trường trong và ngoài nước, mở rộng quy mô về mọi hoạt động nhằm tối đa hoá danh thu và lợi nhuận.

15.5 Phân tích SWOT

Điểm mạnh:

- Là một trong những công ty lớn và dẫn đầu trong ngành xây lắp, đặc biệt là xây dựng các công trình điện, Tổng Công ty có nhiều năm hoạt động kinh doanh trong ngành, tích lũy nhiều kinh nghiệm trong xây lắp để đảm bảo những công trình có chất lượng cao và tiến độ thi công nhanh chóng, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng và các hợp đồng lớn.
- Trong xây lắp, SXCN, Tổng Công ty có lực lượng lao động trẻ lành nghề, đặc biệt có đội ngũ lãnh đạo có chiều dày kinh nghiệm, trang thiết bị thi công hiện đại, dây chuyền sản xuất mới. Đây là thế mạnh của Tổng Công ty trong cạnh tranh về chất lượng và tiến độ thi công công trình.
- Trong SXCN thiết bị đầu tư hoàn chỉnh, mà trong giai đoạn hiện nay giá trị đầu tư để có cơ sở sản xuất tương tự thì qui mô đầu tư phải lớn gấp nhiều lần.
- Với hệ thống các công ty con, công ty liên danh, công ty góp vốn trải khắp cả nước, Tổng Công ty có một mạng lưới rộng khắp, nhanh chóng nắm bắt được và đáp ứng những thay đổi của thị trường, nhu cầu của thị trường.

Điểm yếu:

- Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, vì thế tình hình hoạt động kinh doanh và huy động vốn của Tổng Công ty gặp nhiều khó khăn. Khả năng đáp ứng vốn cho các dự án lớn không được đảm bảo
- Hoạt động khai thác du lịch, dịch vụ lữ hành gặp nhiều khó khăn trong thời điểm nền kinh tế trong nước và thế giới chưa thực sự phục hồi, hiệu quả về doanh thu của các đơn vị thành viên kinh doanh du lịch không cao, vì thế có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty.

Cơ hội:



- Mức tăng trưởng kinh tế 7,5 - 8%/năm và ngành điện tăng trưởng > 14% đã tạo cơ hội cho VNECO mở rộng hoạt động trên thị trường xây lắp, sản xuất công nghiệp cũng như đầu tư các dự án nguồn (thủy điện, phong điện...). Nhu cầu tiêu dùng điện theo dự báo của Quy hoạch điện VI là trong khoảng 20% tính đến 2015, vì thế ngành điện đã đang và sẽ triển khai nhiều dự án xây dựng nhà máy thủy, nhiệt điện sẽ tạo thị trường rộng lớn cho Tổng Công ty trong mở rộng thị phần và nâng cao doanh thu, lợi nhuận của hoạt động xây dựng điện và khai thác các dự án xây dựng nhà máy thủy điện
- Ngành du lịch - dịch vụ trên đà phục hồi và tăng trưởng trở lại; Lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách trong nước tăng là nhân tố giúp tăng cường hiệu quả hoạt động của chuỗi khách sạn Xanh. Hiện nay Tổng Công ty đã thực hiện triển khai hoạt động kinh doanh du lịch – lữ hành – khách sạn tại Huế, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh. Đây được xem là một trong những trọng điểm du lịch của Việt nam với nhiều điểm du lịch lớn, nổi tiếng trong và ngoài nước.
- Nhu cầu nhà ở và các nhu cầu khác thuộc lĩnh vực kinh doanh bất động sản đang trên đà phục hồi và tăng trưởng, là nhân tố để Tổng Công ty khai thác những dự án bất động sản tại khu vực miền trung và thành phố Hồ Chí Minh.

Thách thức:

- Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt và cạnh tranh không lành mạnh của một số đơn vị mới tham gia vào lĩnh vực xây lắp. Hiện nay trên thị trường, ngoài những công ty xây lắp đã hoạt động lâu năm, có nhiều công ty mới thành lập khiến cho thị phần bị chia sẻ và mức độ cạnh tranh trên thị trường trở nên gay gắt hơn.
- Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch – lữ hành sẽ vẫn còn gặp khó khăn khi mà cơ sở hạ tầng khu vực Miền Trung vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ, đồng thời trong khu vực chưa có liên kết trong toàn miền nên đã hạn chế lượng khách đến và giảm thời gian lưu trú .
- Thị trường bất động sản mặc dù được đánh giá là vẫn rất tiềm năng trong thời gian tới, tuy nhiên vẫn chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, sự biến động của thị trường khó nắm bắt chính xác sẽ là một trong những thách thức cho Tổng Công ty khi tham gia kinh doanh bất động sản.
- Hoạt động kinh doanh trong ngành xây dựng điện, khai thác thủy điện và kinh doanh du lịch, nên những biến đổi của thời tiết, khí hậu cũng phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh cuối cùng của Tổng Công ty.

16. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Tổng Công



ty cổ phần xây dựng điện Việt nam cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, chiến lược đầu tư của Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam trong tương lai và mức dự báo tăng trưởng của ngành nói chung, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam có tính khả thi và có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp.

Lưu ý: Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

17. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổng Công ty

Không có

18. Thông tin về những tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Tổng Công ty có thể gây ảnh hưởng đến giá cổ phiếu phát hành

Không có



V. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH

- 1. Loại chứng khoán phát hành:** Cổ phiếu phổ thông
- 2. Mệnh giá:** 10.000 đồng
- 3. Tổng giá trị phát hành:** 31.721.080 (Ba một triệu bảy trăm hai một nghìn không trăm tám mươi) cổ phiếu

Trong đó:

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20% cho năm 2009: 6.344.216 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu: 25.376.864 cổ phiếu

Tổng giá trị chào bán: 317.210.800.000 (Ba trăm mười bảy tỷ hai trăm mười triệu tám trăm nghìn đồng)

- 4. Giá chào bán dự kiến:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- 5. Phương pháp tính giá**

Giá trị sổ sách của Công ty được tính theo công thức sau = Vốn chủ sở hữu/Tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

Tại thời điểm 31/12/2009, giá trị sổ sách của 1 cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần)

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}} \\ &= \frac{35.145.371.148}{2.500.000} \\ &= 14.058 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

Để đảm bảo quyền lợi của cổ đông hiện hữu và sự thành công của đợt phát hành cổ phiếu, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định giá bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần.

- 6. Phương thức phân phối**

Bước 1: Thông báo quyền mua



- Sau khi chốt danh sách cổ đông phân bổ quyền mua, Công ty sẽ thông báo đến trực tiếp các cổ đông về việc thời gian phát hành, thời gian nộp tiền mua cổ phần

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu và thanh toán tiền mua cổ phần

- Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỉ lệ quy định.
- Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trong vòng 20 ngày làm việc cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phần theo mức giá quy định.
- Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông được chuyển nhượng quyền mua một lần.

Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền.

- Kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, Công ty sẽ tập hợp danh sách cổ đông đã mua cổ phần để lập phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có)
- Công ty chuyển toàn bộ số tiền bán cổ phần vào tài khoản phong tỏa

Bước 4: Phân phối chứng khoán.

- Công ty sẽ thực hiện việc phân phối chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật. Các cổ đông sẽ được phát hành sổ cổ đông mới trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

7. Thời gian phân phối

- Trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhận được Giấy phép phát hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

8. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không bán hết

- Cổ phiếu thường và cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ hủy bỏ
- Trường hợp cổ đông hiện hữu không mua hết số lượng cổ phần phát hành thêm thuộc quyền mua, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động phân phối cho các đối tượng khác, với mức giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần.

9. Đăng ký mua cổ phiếu và thực hiện quyền mua

Cổ đông hiện hữu thực hiện đăng ký, làm thủ tục mua cổ phần và nộp tiền tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.

**10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/4/2009.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 3,91% vốn điều lệ

11. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phần:

- Chủ tài khoản: Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt nam
- Số tài khoản phong toả: 401 704 060 006 230
- Tại Ngân hàng: TM CP Quốc tế Đà Nẵng



VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành

Phương thức phát hành	Số lượng	Giá/CP	Thành tiền
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	6.344.216	10.000	63.442.160.000
Chào bán cho cổ đông hiện hữu	25.3.768.640	10.000	253.768.640.000
Tổng cộng	31.721.080		317.210.800.000

2. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

Tổng Công ty sẽ sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh và sử dụng vốn cho các dự án đầu tư sản xuất:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng vốn đầu tư
1	Tái cấu trúc cơ cấu vốn	160.210.800.000
2	Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện hồi Xuân Vneco để thực hiện dự án Thủy điện Hồi Xuân 102MW tại Tỉnh Thanh Hóa	53.500.000.000
3	Đầu tư Khu đô thị mới Mỹ Thượng tại Huyện Phú Vang, Tỉnh TT Huế	61.500.000.000
4	Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MECA VNECO để Đầu tư Khu căn hộ cao cấp tại 277 Bến Bình Đông, Quận 8, TP Hồ Chí Minh	42.000.000.000
Tổng cộng		317.210.800.000



Việc phân chia nguồn vốn cho các dự án nêu trên chỉ là dự kiến. Trong từng giai đoạn tăng vốn điều lệ, tùy theo tiến độ thi công và nhu cầu vốn của từng giai đoạn triển khai dự án mà công ty sẽ xem xét để có sự điều chỉnh sử dụng vốn cho phù hợp và hiệu quả. Đồng thời, công ty cũng luôn chủ động sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng và các nguồn vốn khác để bù đắp các khoản vốn còn thiếu hụt.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN VỐN HUY ĐỘNG TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Tổng Công ty sẽ sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh và sử dụng vốn cho Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng; góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân Vneco để XD dự án Thủy điện Hồi Xuân và góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và xây dựng Điện Meca Vneco để đầu tư dự án khu căn hộ cao cấp tại 277 Bến Bình Đông, Quận 8, TP Hồ Chí Minh.

1. Góp vốn để đầu tư XD Dự án thủy điện Hồi Xuân:

Tên dự án: Nhà máy thủy điện Hồi Xuân

Địa điểm: Dự án nhà máy thủy điện Hồi Xuân nằm trên sông Mã, giáp ranh giữa các xã Hồi Xuân và Thanh Xuân – huyện Quan Hóa – tỉnh Thanh Hóa

Các thông số chính của công trình:

Quy mô công trình: Công trình cấp II theo TCVN 285-2002;

Dung tích toàn bộ hồ chứa: $63,38 \cdot 10^6 \text{ m}^3$

Công suất lắp máy (Nlm): 102 MW

Công suất đảm bảo P = 90% (Ndb): 17,24 MW

Điện lượng trung bình năm (Eo): $432,61 \cdot 10^6 \text{ KWh}$

Hình thức đầu tư: IPP

Dự án đầu tư do Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO – là công ty con thuộc Tổng công ty CP Xây dựng điện Việt Nam (góp 70% vốn điều lệ), làm chủ đầu tư.

Kế hoạch tiến độ:

Khởi công: Tháng 03 năm xây dựng 01 (2010);

Hoàn thiện, phát điện: Tháng 12 năm xây dựng 04 (2013).

Tổng mức đầu tư:



Đvt: Triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị trước thuế
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (trước thuế)	2.374.685,71
	PHẦN CÔNG TRÌNH	2.157.475,57
1	Chi phí xây dựng	694.228,73
2	Chi phí thiết bị	677.046,47
3	Hệ thống điện đầu nối	173.643,45
4	Chi phí đền bù GPMB – tái định cư	385.249,73
5	Chi phí quản lý dự án	13.918,44
6	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình	41.149,69
7	Chi phí khác	27.822,47
8	Lãi vay	216.210,15
9	Chi phí dự phòng	145.416,58

Nguồn: Tổng Công ty xây dựng điện Việt nam

- **Nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn:**

Vốn chủ sở hữu: 30% Tổng vốn đầu tư;

Vốn vay: 70% Tổng vốn đầu tư;

Bảng phân kỳ vốn đầu tư xây dựng

Đvt: Triệu đồng

Nội dung	Tổng vốn	Chuẩn bị	Năm XD1 (*)	Năm XD2	Năm XD3	Năm XD4
VỐN ĐẦU TƯ	2.158.476	20.000	188.188	469.104	715.768	765.415
Vốn tự có (30%)	647.543	20.000	75.275	140.731	214.730	215.624



Vốn VNECO góp 70%	453.280	14.000	53.500	98.511	150.311	150.936
Vốn vay (70%)	1.510.933		112.913	328.373	501.038	549.790
Vay thương mại 5%	490.360			57.689	115.379	317.292
Vay thương mại 10%	1.020.573		112.913	270.684	385.659	232.499

Nguồn: Tổng Công ty xây dựng điện Việt nam

(*) Năm 2010, đơn vị dự kiến huy động vốn thương mại khoảng 60% nhu cầu. Như vậy, trong năm 2010 Vneco cần đầu tư vào đơn vị để thi công công trình là 53.500 triệu đồng.

Hiệu quả từ việc đầu tư tài chính vào Công ty con Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO:

- Lợi ích từ một dự án Thủy điện có công suất khá lớn:

- Đầu tư Dự án thủy điện là đầu tư để phát triển nguồn năng lượng sạch và là nguồn năng lượng vô tận, đây là lĩnh vực đầu tư được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Tổ chức bảo vệ môi trường Thế giới khuyến khích và đang có nhiều chính sách ưu đãi để phát triển;
- Đầu tư Dự án thủy điện mặc dù vốn đầu tư ban đầu khá lớn nhưng xét về dài hạn là lĩnh vực đầu tư nguồn điện tiết kiệm, mang lại hiệu quả cả về kinh tế, xã hội và môi trường.
- Xét về mặt địa lý của Việt Nam, hiện nay vị trí để có thể phát triển một nhà máy thủy điện như Nhà máy thủy điện Hồi xuân với công suất trung bình 102MW đã cạn kiệt. Việc tổ hợp VNECO được các Bộ và địa phương cấp phép đầu tư nhà máy thủy điện Hồi Xuân là một lợi thế và thể hiện sự vượt trội của VNECO trong việc tìm kiếm để khai thác các dự án nguồn điện,
- Xét về mặt hiệu quả đầu tư, khi dự án đi vào khai thác sẽ tạo ra cho Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO và VNECO một khoản doanh thu và lợi nhuận ổn định.

- Lợi ích từ việc tham gia xây dựng dự án:

- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO là chủ đầu tư dự án, VNECO là Công ty mẹ sẽ được chọn làm tổng thầu để thực hiện nhiều hạng mục của dự án như xây lắp, xây dựng dự án... Vì vậy việc triển khai dự án trong năm 2010 sẽ là lợi thế để VNECO thực hiện tăng khối lượng xây lắp để tăng doanh thu, lợi nhuận cho VNECO, cụ thể kế hoạch VNECO thực hiện xây dựng trong



năm 2010 và các năm tiếp theo dự kiến như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
- Doanh thu KH từ thực hiện dự án TĐ			
Hồi Xuân	83.739	211.904	293.890
<u>Trong đó:</u>			
+ Doanh thu thực hiện từ công tác chuẩn bị đầu tư dự án	21.403	18.727	13.377
+ Doanh thu thực hiện từ công tác xây dựng dự án	62.336	193.177	280.513
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động xây dựng dự án	13.398	33.905	47.022

2. Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng

Tên dự án: Khu đô thị mới Mỹ Thượng

Địa điểm: Là khu trung tâm của khu đô thị mới An Vân Dương (1.800 ha) nằm ở phía đông Thành phố Huế, thuộc các xã Phú Thượng và Phú Mỹ - huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế.

Diện tích quy hoạch: 435.335 m²

Hình thức đầu tư:

Tổng công ty đầu tư xây dựng mới cơ sở hạ tầng để khai thác quỹ đất. Sau khi hoàn thành, Tổng công ty được giao lại 90% quỹ đất để kinh doanh nhằm thu hồi vốn và lợi nhuận.

Kế hoạch tiến độ: Tổng công ty đã khởi công xây dựng giai đoạn 1 của dự án

Tổng mức đầu tư



Đơn vị : VND

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ THẨM TRA
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		203.315.675.000
1	Tổng chi phí xây lắp	126.933.160.830
2	Chi phí thiết bị	858.349.482
3	Chi phí ban BLDA	1.477.117.000
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	4.346.326.000
5	Chi phí khác	51.217.479.000
6	Chi phí dự phòng	18.483.243.000

Nguồn: Tổng Công ty xây dựng điện Việt nam

- **Kế hoạch dòng tiền chi, doanh thu và lãi lỗ từ hoạt động của dự án đầu tư:**

Đvt: Triệu đồng

TT	2009	2010	2011F	2012F	2013F	2014F	2015F	Tổng cộng
- Chi phí đầu tư bỏ vào dự án trong các năm	14.266	61.500	55.820	42.300	34.600	17.000	17.000	242.486
- Dòng tiền thu từ dự án	0	33.864	77.008	110.025	113.212	94.766	52.085	480.960
+ Nhận trước tiền khách hàng đặt cọc (30%) của năm T+1		19.262	32.062	35.13	31.047	22.322	-	139.907
+ Tiền khách hàng thanh toán (70%) của năm (T+0)		14.602	44.946	74.812	2.165	72.444	52.085	341.053
- Doanh thu từ dự án		14.602	64.208	106.874	117.378	103.491	74.407	480.960
- Giá vốn hàng bán mỗi năm		7.362	32.372	53.883	59.179	52.177	37.514	242.486
- Lãi (lỗ) từ dự án mỗi năm		7.240	31.836	52.991	58.199	51.314	36.893	238.474



Nguồn: Tổng Công ty xây dựng điện Việt nam

Ghi chú: Khoản chi phí 14,266 tỷ đồng là khoản chi phí đã chi cho dự án đến 31/12/2009.

- Nguồn vốn cho dự án dự kiến:

Theo kế hoạch thu – và Chi phí bỏ ra của dự án từng năm, từ năm thứ 2, nguồn thu cho dự án đã đủ để cân đối yêu cầu chi phí. Do đó, nhu cầu vốn cho dự án chỉ cần đủ cho năm thứ nhất là **61.5 tỷ đồng**.

3. Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và xây dựng MECA VNECO (VES)

Theo cam kết góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và Xây dựng MECA VNECO, Tổng công ty CP Xây dựng điện Việt Nam sẽ tham gia góp vốn với tỷ lệ là 70,05% vốn điều lệ.

- Vốn điều lệ đăng ký của VES là: 150.000.000.000 (Một trăm năm mươi tỷ) đồng
- Vốn VNECO cam kết góp (70,05% vốn điều lệ) là: 105.000.000.000 (Một trăm lẻ năm tỷ) đồng
- Vốn VNECO thực góp là: **63.100.000.000** (Sáu mươi ba tỷ một trăm triệu) đồng

Trong năm 2010, do cần bổ sung vốn cho Dự án căn hộ cao cấp VNECO Plaza tại số 277 Bến Bình Đông, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Tổng công ty CP Xây dựng điện Việt Nam phải hoàn tất góp số vốn còn lại vào cuối năm 2010 là **42 tỷ đồng**.

Hiệu quả của việc đầu tư góp vốn vào Cty CP Đầu tư và XD điện MÊCA VNECO:

Mục đích của việc góp: Xây dựng khu chung cư căn hộ cao cấp hiện đại với đầy đủ công năng sử dụng, gồm 01 tầng hầm để xe, khối đế 2 tầng thương mại và dịch vụ và khối căn hộ 23 tầng nằm ở 277 Bến Bình Đông do Cty CP Đầu tư và XD điện MÊCA VNECO làm chủ đầu tư. Dự kiến doanh thu khai thác bán căn hộ sẽ phát sinh vào quý 3/2010. Việc thực hiện đầu tư dự án này sẽ góp phần cho Công ty MÊCA VNECO hoàn thành kế hoạch kinh doanh và kế hoạch doanh thu lợi nhuận trong các năm kể từ năm 2010, cụ thể như sau:

- Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty CP MÊCA VNECO và lợi ích của VNECO tại Công ty con như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
- Doanh thu KH toàn bộ của Công ty	130.962	150.054	230.214
<u>Trong đó:</u> Doanh thu phát sinh từ dự án Căn hộ cao cấp 277 Bến Bình Đông của Công ty MÊCA	44.180	70.910	151.750



- Lợi nhuận toàn bộ sau thuế của Công ty	17.974	31.500	36.312
- Lợi ích của VNECO trong lợi nhuận của Công ty con (70,05%)	12.591	22.066	25.437

(Nguồn: Bản cáo bạch Cty MÊCA VNECO)

Ngoài ra Công ty CP Đầu tư và XD điện MÊCA VNECO là đơn vị đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (mã Chứng khoán là VES), vì vậy việc đầu tư tài chính vào Công ty con này còn là cơ hội để VNECO gia tăng vốn đầu tư từ việc thoái bớt phần vốn khi cần thiết. Giá cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và XD điện MÊCA VNECO trong 13 ngày đầu niêm yết được giao dịch như sau:

Ngày	Giá đóng cửa	Thay đổi (+/-%)	Giá tham chiếu	Giá mở cửa	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	KLGD	GTGD
							khớp lệnh	khớp lệnh
05/05/2010	24.7	1.1 (4.7%) ↑	23.6	24.7	24.7	24.7	444,570	10,980,879,000
04/05/2010	23.6	1.1 (4.9%) ↑	22.5	23.6	23.6	23.6	25,110	592,596,000
29/04/2010	22.5	1.0 (4.7%) ↑	21.5	22.5	22.5	22.5	28,750	646,875,000
28/04/2010	21.5	1.0 (4.9%) ↑	20.5	20.5	21.5	20.4	273,850	5,758,998,000
27/04/2010	20.5	0.2 (1.0%) ↑	20.3	20.0	20.9	19.3	688,920	13,887,253,000
26/04/2010	20.3	0.9 (4.6%) ↑	19.4	20.3	20.3	20.3	261,600	5,310,480,000
22/04/2010	19.4	0.9 (4.9%) ↑	18.5	19.4	19.4	19.4	192,530	3,735,000,000
21/04/2010	18.5	0.8 (4.5%) ↑	17.7	18.5	18.5	18.5	35,170	650,645,000
20/04/2010	17.7	0.8 (4.7%) ↑	16.9	17.7	17.7	17.7	105,410	1,865,757,000



19/04/2010	16.9	0.8 (5.0 %)	↑	16.1	16.5	16.9	16.2	364,550	6,119,775,000
16/04/2010	16.1	0.0 (0.0 %)	▬	16.1	15.5	16.9	15.5	168,900	2,679,791,000
15/04/2010	16.1	-0.8 (-4.7 %)	↓	16.9	16.9	17.0	16.1	227,640	3,729,636,000
14/04/2010	16.9	0.9 (5.6 %)	↑	16.0	18.0	18.0	16.0	305,000	5,197,397,000

(Giá giao dịch bình quân cổ phiếu VES hiện nay trên thị trường dao động từ 19.000 VND/CP đến 24.000 VND/CP).

Theo kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2010 của VNECO đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Ghi chú
Phần I- Hoạt động kinh doanh			
I	Doanh thu tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ	785.279.000.000	
II	Chi phí giá vốn hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ	657.338.210.000	
A	Lợi nhuận thuần từ KD HH, DV (I-II)	127.940.790.000	
I	Doanh thu tài chính	49.407.839.283	
II	Chi phí tài chính	50.267.039.588	
B	Lợi nhuận từ HĐ tài chính (I-II)	(859.200.305)	
I	Thu nhập khác	90.000.000.000	
II	Chi phí khác	71.100.000.000	
C	Thu nhập từ hoạt động khác (I-II)	18.900.000.000	
D	Chi phí bán hàng (tiêu thụ)	392.639.500	
E	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.202.533.000	
F	Lợi nhuận trước thuế (A+B+C-D-E)	124.386.417.195	
G	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.560.572.239	Được giảm 50%



H	Lợi nhuận sau thuế từ HĐKD (F-G)	111.825.844.956	
Phần II- Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận			
I	Lợi nhuận sau thuế (Phần I-H)	111.825.844.956	
II	Các khoản giảm trừ lợi nhuận sau thuế	-	
III	Lợi nhuận sau thuế phân phối quỹ và chia cổ tức (I-II)	111,825,844,956	
1	Vốn điều lệ	637,210,800,000	
2	Vốn điều lệ chia cổ tức	634,421,600,000	Trừ cổ phiếu quỹ
3	Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)	1.755	

Để thực hiện hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính trong năm 2010, vốn lưu động bình quân của VNECO trong năm 2010 cần phải có là 386,7 tỷ đồng.

Việc thiếu vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh hiện nay của VNECO có ảnh hưởng không tốt đến việc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, không mở rộng được thị trường... làm giảm khả năng gia tăng doanh thu, tạo áp lực trong việc thực hiện kế hoạch các chỉ tiêu tài chính trong năm 2010 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 thông qua.

Việc tăng vốn điều lệ và số vốn sử dụng sau phát hành để tái cấu trúc cơ cấu vốn trong năm 2010 khoảng 160 tỷ đồng là hết sức cần thiết, chi tiết sử dụng vốn cho các công trình trong bảng sau:

TT	Tên công trình	Giá trị doanh thu, thu nhập KH 2010 (*)	Vốn lưu động sử dụng cần thiết			
			Tổng cộng	Vốn luân chuyển của chủ đầu tư	Vốn vay TD ngân hàng	Vốn tự có cần thiết (**)
CÁC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP						
II	TỪ NĂM 2009	229.615	103,157	30,947	46,489	25,721
1	ĐZ 220kV Bản Lả - Vinh	1.039	467	140	210	116
2	ĐZ 220kV Ô Môn- Sóc Trăng	11.168	5,017	1,505	2,261	1,251
3	ĐZ 220kV đấu nối NMT Điện Đờng Nai 3 - Đắc Nông	5.684	2,554	766	1,151	637
4	ĐZ 500kV Sơn La- Hoà Bình-Nho Quan_ Lô 11.1 (G21-G25)	6.943	3,119	936	1,406	778



	ĐZ 500kV Sơn La- Hoà Bình-Nho					
5	Quan_ Lô 12.3 (G57-G65)	9.926	4,459	1,338	2,010	1,112
	ĐZ 500kV Sơn La- Hoà Bình-Nho					
6	Quan_ Lô 13.1 (G65-HB)	13.192	5,927	1,778	2,671	1,478
	ĐZ 500kV Phú Mỹ- Song Mây Gói 7					
7	từ G6A-ĐC	45.911	20,626	6,188	9,295	5,143
	ĐZ 500kV Sơn La- Hiệp Hoà_ Lô 5.3					
8		75.19	33,780	10,134	15,223	8,423
	ĐZ 500kV Sơn La- Hiệp Hoà_ Lô 7.1					
9		58.011	26,062	7,819	11,745	6,498
	Dự án Gtel					
10		1.441	647	194	292	161
	Dự án BCA					
11		1.11	499	150	225	124
	CÁC CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN KHỞI					
II	CÔNG MỚI	631.062	283,512	85,054	127,769	70,689
1	Thuỷ điện Hồi Xuân	83.739	37.621	11.287	16.954	9.380
	+ Công tác chuẩn bị	21.403	9,616	2,885	4,333	2,397
	+ Phần Xây dựng	62.336	28,005	8,402	12,621	6,983
2	Đấu thầu, Chỉ định thầu_ Các CT ĐZ và TBA	306.157	137,545	41,264	61,987	34,295
3	Đấu thầu, Chỉ định thầu_ Các CT giao thông, XD	100	44,926	13,478	20,247	11,202
4	Khu dân cư 277 Bến Bình Đông	65.768	29,547	8,864	13,316	7,367
5	Công trình khác	75.398	33,873	10,162	15,266	8,446
	TỔNG CỘNG	860.676	386.669	116,001	174,258	96,410

(*) Doanh thu trên không bao gồm 14,602 tỷ đồng doanh thu dự kiến thu từ dự án mới Mỹ Thuận;

(**) Không bao gồm 63,8 tỷ sử dụng để tái cấu trúc lại nguồn vốn đã sử dụng tạm thời.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3824 2897 Fax: (08) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

CN Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3936 6321 Fax: (04) 3936 6311

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Tư vấn kế toán và dịch vụ tin học (ASIC)

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39301563 Fax: (08) 39304281

Website: www.asic.com.vn

IX. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục 2: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty

Phụ lục 3: Báo cáo kiểm toán 2008, 2009, quý I/2010.

Phụ lục 4: Nghị quyết họp ĐHCĐ thông qua việc phát hành.

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đoàn Đức Hồng

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào Hữu Chuộng

Phan Anh Quang

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH